

8°
INDO-CHINOIS

342

越南普通書院

VIỆT NAM PHỔ THÔNG THƯ VIỆN

PHÁP VIỆT SƠ ĐẲNG TIỂU HỌC

GIÁO KHOA THƯ



TÂN QUỐC-VĂN

(LỚP BA VÀ LỚP TƯ)



1925

NAM-ĐỊNH HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ HỘI

Xuất bản.

Nom d'auteur.....

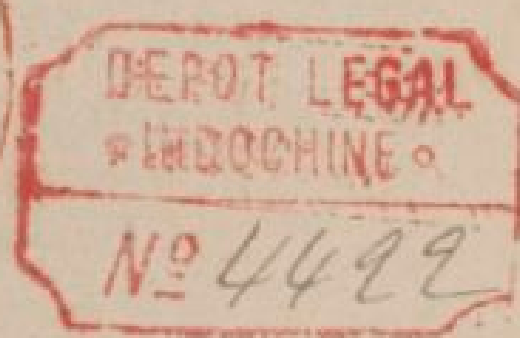
Titre de l'ouvrage *Cần Quốc Việt, lớp ba và
lớp tư (Lectures annamites, cours préparatoire et élémentaire)*

Enseignement *1 fasc.*

*Hanoi
Nguyễn-hải
1929*

越南普通書院
VIỆT NAM PHỔ THÔNG THƯ VIỆN

PHÁP VIỆT SƠ ĐẲNG TIỂU HỌC
GIÁO KHOA THƯ



TÂN QUỐC-VĂN

(LỚP BA VÀ LỚP TƯ)



1925

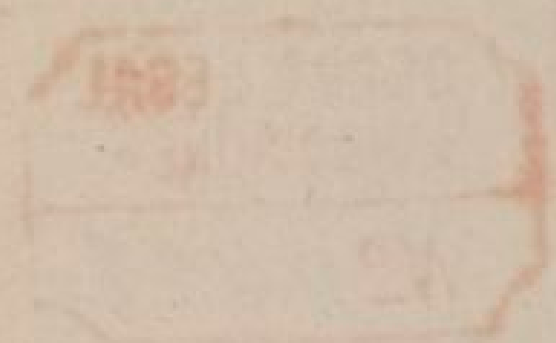
342 NAM-ĐỊNH HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ HỘI

Xuất bản.

In lần thứ nhất

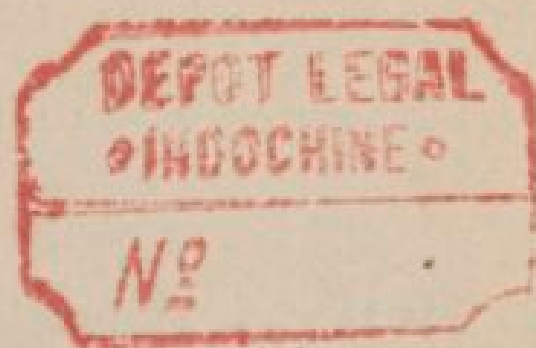
Có trình giữ bản-quyền

VIET NAM PHO THONG THU VIEN



TAY QUOC-VAN





TÂN QUỐC-VĂN

1. — PHẢI THỀ LÒNG CHA MẸ

Đại-ý. — *Làm con phải mong báo hiếu, đền ơn sinh thành. Phải nên gần nơi đèn sách, xa nơi rượu chè cờ bạc.*

— * —

Rượu chè, cờ bạc, giai gái, hút sách, không những vô-ích mà lại có hại : hại cho sức mạnh, hại mất thi giờ, hại mất tiền của, hại mất danh-tiếng và đề lo phiền cho cha mẹ.

Tửu, sắc, yền, đồ, trong bốn điều ấy, học trò thanh-niên thường hay mắc phải. Có kẻ nói dối cha mẹ lấy tiền mua sách hay lấy tiền uống thuốc. Lúc có tiền, chẳng lên cao-lầu thì đi cờ bạc ; chỉ cần cho thỏa thích ý riêng mình, không còn nghĩ đến kẻ mồ hôi nước mắt.

Ấy là một sự dối mình mà dối người, dối cả đến cha đến mẹ, điều ấy còn dối thì điều gì mà không dối.

Than ôi ! lúc làm con không hết đạo con, còn mong gì đến khi khôn khôn đề biết đạo làm dân trong nước.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

GIẢI NGHĨA. — *Tửu* : rượu (đây là nói hay đi cao-lầu, hay rượu chè be bét). --- *Sắc* : đẹp (đây là hay đi nhà-trò, hay mê gái). --- *Yền* : khói thuốc (đây là nói hay hút thuốc phiện). --- *Đồ* : hay đánh bạc. — *Thanh-niên* : đang thời ít tuổi. — *Mồ hôi nước mắt* : làm ăn khó nhọc.

CẦU HỎI. — Rượu chè, cờ bạc, giai gái, hút sách có hại gì ? Anh nghĩ những người học trò nói dối cha mẹ để lấy tiền tiêu phi là thế nào ? Những người học trò ấy sau có nên người tử tế được không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Tại sao ta nên tránh xa nơi tửu, sắc, yèn, đồ ?

II. — Tại sao không nên nói dối cha mẹ để lấy tiền tiêu phi hay đánh cờ bạc ? Người con hay dối cha dối mẹ thì sau có nên người tử tế được không ?

— — — — —

2. — KHUYÊN HỌC TRÒ

Đại ý. — Cha mẹ cho ta đi học thì ta phải siêng năng cần mẫn ; để mai ngày giở nên người thông thái. trước là để cha mẹ được vui lòng, sau là để mình được sung sướng.

Học đi con ! Học đi con !
 Học mà biếng nhác ai còn mển yêu.
 Còng cha nghĩa mẹ bao nhiêu,
 Phải lo báo đáp, bỏ liều sao đang.
 Con mà học viết giỏi dang,
 Cha mừng mẹ sướng, thầy càng ngợi khen.
 Con mà học dốt viết hèn,
 Cha buồn mẹ khổ, người quen chề cười.
 Người cười thầy giận chẳng người,
 Làm người phải cố đừng lười mới hay.
 Những người tài giỏi xưa nay,
 Là người chăm chỉ đêm ngày văn-chương.
 Nay con ngồi ghế nhà trường,
 Học gì cũng phải tính lượng mới nên.

Vệ-sinh luân-lý chớ quên,
 Đã chăm tiếng Pháp lại rèn tiếng ta.
 Địa-dư sử-ký nước nhà,
 Đo lường tính toán cũng là phổ-thông.
 Nào cách-trí nào thủ-công,
 Nào khoa thể-dục ra công tập rèn.
 Con mà ham mãi sách đèn,
 Mới mong có lúc đua chen mấy đời.
 Bao giờ con đã nên người,
 Định-ninh nghĩa-vụ chẳng người chẳng đời.
 Giúp nhà giúp nước con ơi !
 Nhà thời sung-sướng, nước thời vẻ-vang.
 Con mà dạ sắt gan vàng,
 Tiếng thơm để mãi sử vàng nghìn năm.
 Làm gì cũng phải cho chăm.

Trích BÁO THỰC-NGHIỆP

GIẢI NGHĨA. — Văn chương : văn bài học tập. — Tinh
 tòng : am hiểu cả. — Phổ thông : thông dụng cho cả
 mọi người. — Thể-dục : sự luyện tập thân thể. — Dạ sắt
 gan vàng : phải kiên tâm bền chí, chớ thấy khó mà ngã
 lòng.

CÂU HỎI. — Tại sao cha mẹ anh phải gửi anh đến
 nhà trường ? Đến nhà trường anh phải thế nào ? Ở nhà
 trường thầy giáo dạy bảo anh những gì ? Anh có nên
 kiên tâm bền chí mà học tập không ? Tại làm sao ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Anh hãy nói người có học và
 người không có học thì khác nhau thế nào ?

II. — Anh hãy cắt nghĩa và làm ra một một bài với câu
 sau này : «Người không có học như ngọc không chuốt».

3. — CẬU BÉ LÀNG DÓNG.

Đại ý. — *Cái tiếng đờc Phù-Đồng-Thiên-Vương ở nước ta còn mấy người là không biết. Hiện nay còn đền thờ ngài ở bên làng Dóng (Bắc-Ninh).*

Ngài sinh ở về đời vua Hùng-Vương thứ 6, là con một ông phú-hộ người làng Dóng, (tức là làng Phù-Đồng, huyện Tiên-Du tỉnh Bắc-Ninh bây giờ). Năm ngài lên ba tuổi, vẫn chưa biết nói, cha mẹ tưởng là ngài câm. Vừa lúc trong nước có giặc Ân cướp phá tung hoành, quan quân đánh mãi không được, nhân-dân chịu lầm-than khổ sở đã nhiều ; vua phải sai sứ đi khắp trong nước cầu hiền. Ngài đương nằm trong nhà, nghe có sứ đến, bèn nói với mẹ rằng : xin gọi sứ vào cho ngài nói chuyện. Bà mẹ ra mời sứ vào. Ngài nói với sứ, xin về tâu vua cho ngài một con ngựa, một thanh gươm, không lo gì giặc. Sứ về tâu vua ; vua truyền đem gươm cùng ngựa đến cho ngài. Ngài vươn thẳng người ra, mình cao tám thước, nghiêm-nhiên thành một người tráng-sĩ vô-song nhảy lên ngựa, tuốt gươm đi, đi đến đâu bể tre làm gãy, đánh quân Ân mấy trận tan tành. Quân Ân khiếp sợ, gọi ngài là tướng nhà trời, kéo nhau lay sát rạt xuống đất xin hàng phục hết.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

GIẢI NGHĨA. — Ông phú-hộ : ông giàu, có nhiều tiền của. — Chịu lầm than : chịu vất vả khổ sở. — Tráng-sĩ : người khỏe mạnh giỏi giang ; vô song : không ai sánh được.

CÂU HỎI. — Đức Thánh Dóng sinh vào thời nào ? Khi ngài lên ba đã biết nói chưa ? Lúc bấy giờ trong nước có được thái-bình không ? Ngài xin những gì để đi dẹp giặc ? Kể chuyện ngài đánh giặc Ân ? Dẹp giặc xong ngài đi đâu ? Sao vua phong ngài là Phù-Đổng-Thiên-vương ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Kể chuyện và nói gốc tích đức thánh Dóng.

II. -- Kể lịch-sử vị thần làng anh. Mỗi năm dân làng làm thế nào để kỷ-niệm công đức người.

4. — CỜ LAU DẸP LOẠN.

Đại ý. — Vua Đinh khi còn nhỏ ở nhà quê với mẹ, thường chơi với trẻ chăn trâu ở ngoài đồng; lúc bấy giờ ngài đã có chí khí rất to, nên trong bọn đứa nào cũng phải phục ngài. Khi ngài khôn lớn, thấy trong nước rối loạn, ngài bèn xuất thân ra đi đánh dẹp được cả 12 sứ-quân, rồi nhất-thống trời Nam, ngài mới lên ngôi Hoàng-đế.

Vua Đinh từ thừa nhỏ đã có cái chí-khí rất to, bồ-còi bố, cùng với mẹ là Đàm-thị ở trong động Hoa-lư thuộc huyện Gia-Viễn, Ninh-Bình bây giờ, đi chăn trâu với trẻ ở đồng, bao nhiêu trẻ chăn trâu đều phục cái thức-lượng của ngài, bầu làm đầu-mục, trong khi chơi nhớn, chúng súm nhau lại làm kiệu tay để kiệu ngài, và bẻ bông lau làm cờ kéo đi hai hàng rước giả, bắt-chước y như nghi-vệ ông vua, thỉnh thoảng kéo nhau đi đánh lũ trẻ làng khác, ngài đứng đầu ra hiệu lệnh không khác một ông tướng cầm quân, kéo đi đến đâu, chúng đều khiếp

sợ đến đấy, cắt lượt nhau hàng ngày nộp củi như làm việc quan ; ấy ngay từ thừa nhỏ mà ngài đã có cái khí-phách anh-hùng, cái tài-lực phục người như thế.

Lúc ngài lớn lên, thấy trong nước loạn-ly, quyết chí trừ loạn an dân, kinh-doanh nghiệp lớn, cùng với ông Đinh-Điền, ông Nguyễn-Bặc kết làm anh em phúc tâm, cùng mưu việc nước, những phụ-lão các vùng xung-quanh đều bảo nhau rằng : « Con người khí tượng như thế, tất là nên việc. » Bèn xuất con em đi theo ngài cả, lập ngài làm trưởng, khởi binh đánh đầu được đấy, thiên-hạ nức tiếng đồn là Vạn-Thắng-vương, dần dần dẹp cả được hết 12 sứ-quân, lên ngôi vua đóng đô ở Hoa-Lư, gọi tên nước là Đại-Cồ-Việt.

Thế là một ông tướng loạn quân cờ lau lúc trước, nghiêm-nhiên thành một ông vua mở nước giữa trời Nam, nên trong sử ta truyền làm câu chuyện rứt hay là câu chuyện cờ lau dẹp loạn.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

GIẢI NGHĨA. — *Bồ côi* : là mất cha, mất mẹ, hay mất cả hai người. — *Động* : là một nơi rất đẹp, thường ở vào trong núi. — *Đầu-mục* : làm liền anh lũ trẻ. — *Anh-hùng* : là người tài giỏi, can-dảm. — *Kinh doanh* : làm nên, mở mang ra. — *Vạn-Thắng-vương* : vì ngài đi đến đâu thắng trận đến đấy, đánh trận nào được trận ấy, chả khác nào như người thần người thánh.

CÂU HỎI. — Quê ông Đinh-Bộ-Lĩnh ở đâu ? Tại sao thừa nhỏ ngài ở nhà quê với mẹ ? Ở nhà quê, ông Bộ-Lĩnh làm gì ? Ở ngoài đồng ngài chơi đùa thế nào ? Lúc ngài

lớn lên thì trong nước có yên không? Làm thế nào ngài dẹp được cả 12 sứ-quân? Sao ngài lại đóng đô ở Hoa-Lư?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — 1. Kể chuyện vua Đinh-Tiên-hoàng khi còn nhỏ.

II— Một hôm anh và các em anh súm quanh thầy anh để nghe thầy anh kể chuyện ông anh khi còn nhỏ. Anh nhắc lại chuyện đó.



5. — NGUYỆT-THỰC NHẬT-THỰC

Đại ý. — *Nguyệt-thực nhật-thực là lẽ tự-nhiên của giới đất không phải là điềm quái lạ. Xem bài sau này thì biết rằng những kẻ tin nguyệt-thực nhật-thực là điềm lạ, thực là tin nhầm vậy.*

NGUYỆT-THỰC

Đến ngày rằm, ta thấy mặt giăng tròn, vì lúc ấy mặt giới đứng một bên, quả đất ở giữa, mặt giăng ở một bên, nên mặt giăng chịu ánh sáng bao nhiêu thì phản chiếu xuống quả đất bấy nhiêu. Như mặt giới, quả đất và mặt giăng đều đứng thẳng một hàng, thì mặt giăng lọt vào bóng quả đất, nên ta không thấy mặt giăng nữa. Mặt giăng đương sáng lúc lọt vào bóng thì tối một phía, rồi dần dần tối một nửa, sau tối hết đi, hình như là ăn hết đi, rồi một chốc lại thấy sáng dần dần ra, lúc ra khỏi bóng quả đất thì mới sáng hết. Thế là nguyệt-thực

NHẬT-THỰC

Đến ngày 30 thì mặt giới đứng về một bên, mặt giảng ở giữa, quả đất một bên, nên lúc ấy ta không thấy mặt giảng, vì phía sáng mặt giảng phản đối với quả đất. Như khi nào ba vi ấy đứng thẳng hàng, thì bóng mặt giảng rợp vào quả đất, người ta ở vào chỗ rợp ấy, thấy mặt giới đen một phía, rồi dần dần đen hết, không thấy mặt giới nữa, hình như là mặt giới bị ăn đi mất, rồi lại thấy mặt giới dần dần sáng ra. Thế là nhật-thực.

Nhật-thực, nguyệt-thực cũng là độ thường, các tòa thiên-văn tính ra mà biết trước được ngày nào, giờ nào có nhật-thực hay là nguyệt-thực,

TRẦN-VĂN-THÔNG

GIẢI NGHĨA. — *Nguyệt-thực* : là khi ta trông thấy mặt giảng khuyết dần mãi đi. — *Nhật-thực* : là khi ta trông thấy mặt giới khuyết dần mãi đi. — *Phản chiếu* : là chịu ánh sáng của vật gì sáng soi vào rồi lại ánh sang vật khác. — *Thiên-văn* : là tòa xem xét các vị tinh tú hành động ở trên giới.

CÂU HỎI. — Thường khi nào có nguyệt-thực ? Tại sao mà có nguyệt-thực ? Thường khi nào có nhật-thực ? Tại sao mà có nhật-thực ? Nhật-thực, nguyệt-thực có phải là điềm gở không !

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy nói khi nào có nguyệt-thực và vì tại làm sao mà có. Anh có trông thấy nguyệt-thực lần nào không ? Anh xem thấy những làm sao hãy kể ra.

II. — Hãy nói khi nào và tại làm sao có nhật-thực. Khi có nhật-thực anh làm thế nào mà xem cho rõ được ? Anh

đã xem thấy nhật-thực, vậy hãy nói đầu đuôi xảy ra làm sao.

6. — CÁCH GIỮ GÌN SỨC MẠNH

Đại ý — Muốn sống lâu mạnh khỏe để cầu sự ích lợi cho nhà cho nước phải theo phép vệ-sinh và khôn ngoan mấy được.

Ông Newton là một nhà thiên-văn đại-danh tho được tám mươi bảy tuổi.

Ông Victor Hugo là một nhà thi-sĩ biệt-tài tho tám mươi ba tuổi. Đến năm 1885 mới mất. Ông Meissonier tho tám mươi tuổi. Đến năm 1901 mới mất. Cả hai ông vẫn làm ăn như giai trẻ đến mãi lúc gần chết.

Ông Chevreuil là một nhà y-khoa bác-sĩ đầu bạc phơ phơ như bông. Ông không hề uống rượu bao giờ, thường thường nói bông rằng : « Tuy tuổi cao đầu bạc mà được mạnh khỏe như thường đều là tại tôi biết tiết-độ vậy ».

Còn những ông tho vào độ tám mươi mà vẫn khỏe mạnh nhanh nhẹn hơn trai ba bốn mươi kè không sao siết. Xét kỹ những tỉ-dụ trên kia thì ta tìm được ra một điều chân-lý đích đáng tưởng những bạn đọc bài này cũng nên lợi dụng. Ấy nhờ chịu khó làm ăn, kiên-tâm tiết-độ, sử thể nhũn nhặn, nên các ngài đã kể trên kia mà ta có thể gọi

là các nhà đại-danh cả, vì ngài nào cũng có tiếng lừng lẫy trong nghề mình, mới có thể hưởng cái hạnh-phúc lâu dài ở trên quả đất này vậy.

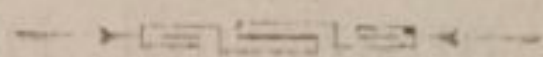
Q. S. dịch Thanh-Niên-báo

GIẢI NGHĨA. — Thọ : sống lâu. — Thế kỷ : quăng trăm năm. — Đại danh : có tiếng to, có danh giá lắm. — Y khoa bác sĩ : ông tẩn sĩ khoa làm thuốc. — Hạnh phúc : may mắn.

CÂU HỎI. — Tại sao người ta được sống lâu ? Hãy kể một vài cụ sống lâu gần trăm tuổi ? Tại sao các cụ ấy sống lâu được như thế ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Tả hình giăng ông anh hay một ông lão nào anh thường trông thấy.

II. — Tèn Mồ vô phép mầy một ông lão gia. Bớ nó mắng nó. Thuật lại những nhời của người cha mắng con.



7. — MỘT NHÀ HỌC-ĐƯỜNG NHỚN

Đại ý. — Nghĩa chữ giáo-dục rộng lắm, không phải chỉ riêng sự giáo-dục ở nhà trường mà thôi. Xem bài sau đây thì khắc rõ.

Phạm sự gi ỉ tǎng-tiến cho cái tư-cách người ta, khǎi phát được những năng-lực người ta, để cho có thể hiểu dụng được ở đời trong khắp các cảnh-ngộ, đều là thuộc về phạm-vi sự giáo-dục cả. Như thế thời không phải cứ mở trường dạy học mới là giáo-dục, không phải cả sự học-tập, cả sự giáo-dục là ở đấy. Phạm mắt thấy tai nghe, tự mình từng trải, gương đời trước, việc đời này, cách ăn ở của người quanh mình, việc biến thiên ở trong xã-

hội. Không gì không là một bài học cho người có chí, không gì là không là cách giáo-dục cho kẻ hữu tâm. Như vậy thời sự học sự dạy là việc chung của mọi người, việc luôn hằng giây phút, người nào lúc nào cũng có trách dạy dỗ, cũng có trách họp tập, và cả xã-hội là một nhà học-đường lớn vậy.

THƯỢNG-CHI

GIẢI NGHĨA. — *Khải phát* : là mở rộng ra. — *Năng lực* : là tài năng sức lực. — *Tăng tiến* : là thêm lên.

CÂU HỎI. — Giáo-dục là gì ? Người có giáo-dục được lợi những gì ? Muốn nên người giáo-dục phải làm thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Thầy giáo anh mới cắt nghĩa câu : « Nơi nào lắm nhà trường thì ít nhà tù ». Cắt nghĩa lại câu ấy.

II. — Một người bạn anh học thật giỏi nhưng có tính kiêu-ngạo. Anh có tra người ấy không ? Nói lẽ làm sao.



8. — NGƯỜI THUYỀN CHÀI VÀ NGƯỜI KIỂM CỬ NÓI CHUYỆN

Đại ý. — Hai người thường kiếm ăn ở nơi rừng sâu bể rộng, lắm khi nguy hiểm. Một hôm gặp nhau trò chuyện vui vẻ mời dủ nhau về kiếm ăn ở nơi yên lặng cho khỏi lo lắng và sợ hãi.

Ngư-ông thuyền đậu bể Đông,
Tiều-phu nhà ở trong rừng non Tây;
Nước non tìm kiếm lần hồi,

Đông tây xa cách dặm khơi muôn nghìn ;
 Một ngày gặp gỡ tự-nhiên,
 Đầu bù tóc rối đôi bên thân thờ,
 Quanh co ngồi đến non trưa,
 Cùng nhau trò chuyện say sưa đậm đà.
 Tiều rằng : « Trong chốn non xa,
 Có loài thú dữ thường ra ăn người.
 Sao bằng kiếm củi đường xuôi,
 Không lo không nghĩ không ai nhục mình. »
 Ngư rằng : « Mặt nước mòng-mệnh,
 Ngang giới sông vô rặt mình đòi cơn,
 Sao bằng về khúc sông con,
 Nước trong sông lặng lòng còn ngại chi.
 Thôi ! thôi ! ta phải thôi đi !
 Việc gì cần thận trước thì mới hay.
 Sinh-nhai nên phải tìm nơi,
 Non cao nước thẳm chớ vơi làm chi. »

Trích dịch cổ-văn

GIẢI NGHĨA. — *Ngư-ông* : người đánh cá. — *Tiêu-phu* : người kiếm củi. *Đường xuôi* : dưới trung-châu. — *Đòi cơn* : từng lúc một. — *Non cao* : núi cao. — *Nước thẳm* : bề sâu.

CẦU HỎI. — Người tiêu-phu làm gì ? ở đâu ? Ngư-ông nói thế nào ? Ý-tưởng hai người ấy có phải không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Anh hãy tả một người thuyền chài mà anh trông thấy.

II.---Người ta ở đời ai cũng phải có cách sinh-nhai, vậy ý-tưởng anh nghĩ thế nào ?



9. — **THƯ CHA VIẾT CHO CON.**

Đại ý — *Thư của ông Tăng-Văn-Chính viết thư mừng con mới đỗ và khuyên ăn ở cần kiệm.*

Thư cho Kỹ-Hồng

Thầy nghe tin con thi ở tráng huyện, may được đỗ đầu, thầy vui mừng. Những bài thi của con thầy xem cũng chải chuốt và đặc thể cả, hôm qua thầy tiếp được cái thư của ông Dịch-Tiên-Sinh, biết rằng con đã đến tỉnh rồi. Chốn tỉnh thành là một chốn phồn-hoa, con nên yên ở nhà trọ, không nên ra ngoài đua đòi cho lắm.

Phàm con nhà thế-gia, áo mặc cơm ăn, lúc dầy lúc ỏ, cái gì cũng nên tập như người học-trò nghèo thì mới thành tài được, nếu nhiễm cái thói quan sang giàu có thì khó lòng thành tài được. Thầy nhớ ơn vua làm đến chủ tướng mà đồ mặc vào mình giá không nổi ba trăm tiền đấy. Thầy mong rằng các con thường giữ lấy cái thói tần-tiện ấy, cùng là đạo tri-phú kia đấy. Còn như những món đáng tiêu thì cứ chiếu lệ mà đưa, đừng có lạm quá. Con vào lễ Thánh, rồi ra chào mấy người khách, song nên về làng ngay. Khoa thi hương năm nay con đừng đi vội, vì sức học con còn non và sức vóc con còn yếu, e không chịu nổi khó nhọc.

NGUYỄN-HỮU-KHA dịch

GIẢI NGHĨA. — *Cần-kiệm*: siêng năng, tần tiện. — *Đặc thể*: được thể. — *Phồn-hoa*: đông đúc, xa hoa. — *Thế-gia*: nhà dòng dõi quan sang. — *Chủ-tướng*: ông tướng đầu nước.

CÀU HỎI. — Bài này chia làm mấy đoạn? Mỗi đoạn nói những ý gì? Tại sao ông Tăng-Văn-Chính dặn con không ra ngoài chơi bời? Sao ông lại khuyên con không nên thi hương kỳ năm ấy?

BÀI TẬP LÀM VĂN — I. Thầy anh mới trách anh viết thư về không được cẩn-thận: chữ viết lèm nhèm, dấu đánh mất mất, hãy viết thư về xin lỗi.

II. — Hãy nói tại sao khi viết thư phải cẩn thận, để phong bì phải rõ-ràng.

10. — KHUYỀN HỌC

Đại ý. — *Thi giờ thắm thoát ta nên cố chí học hành, nữa mai sau công danh gặp bước, tức là ta đền ơn cha mẹ và giã ơn thầy.*

Ngày tháng thi giờ thắm thoát bay,
Khuyên con cố chí học cho hay.
Cơm ăn hai bữa cha cấy cấy,
Áo mặc bốn mùa mẹ vá may.
Cờ bạc rượu chè thì lánh mặt,
Bút nghiên kinh sử phải liền tay.
Mai sau chiếm bảng khôi thiên-hạ,
Bỏ công cha mẹ giã ơn thầy.

(Cổ thi)

GIẢI NGHĨA. — *Thắm thoát*: chóng lăm. — *Kinh sử*: sách ngũ-kinh và chư-sử. — *Khôi thiên-hạ*: đầu tất cả thiên-hạ.

CÀU HỎI. — Tại sao phải cố chí học hành? Có nên cờ bạc rượu chè không? Tại sao lại phải bút nghiên kinh sử liền tay?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Kể chuyện một người học trò để phí thì giờ sau phải ngu dốt.

II. - - Người học trò tốt có qui thì giờ không ?

11. — CHỜ NÊN NỊCH-ÁI

Đại ý. — *Thương con phải dạy bảo cho biết luân-thường đạo-lý, chờ nên nuông, cho ăn chơi sa-sỉ, vì thương thế là thương hại. Nên có câu tục-ngữ rằng: « Yêu cho vọt, ghét cho chơi. »*

Có người đàn bà hóa, nhà nghèo, cố lo cho con ăn học ở nơi tỉnh-thành. Mỗi tháng lo tiền ăn tiền học cũng đã nặng nề, lại còn muốn cho con bằng anh bằng em, ăn sung mặc sướng.

Bấy giờ người mẹ phải nhịn ăn, bớt mặc, thức khuya, dậy sớm. Một mình vất vả, thiếu thốn không dám nói cho con biết. Đứa con vẫn tưởng là nhà sung túc, không biết dè sẻn, không biết thương mẹ, còn nay đòi cái này mai đòi cái khác. Người mẹ cần lao quá độ, sinh ra đau ốm. Đứa con được tin về đến nhà thì thấy mẹ mình gầy sọc ve, áo rách sờ rọng. Mẹ thấy con sa hai hàng nước mắt rồi từ con.

Thương ời ! mẹ thương con không biết tiếc đến thân, cũng là bởi lòng nịch-ái.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

GIẢI NGHĨA. — *Nịch-ái* : yêu quá, nuông quá. — *Nặng nề* : là khó nhọc. — *Bằng anh bằng em* : được bằng anh

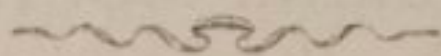


em bạn. — *Nỗi mình*: tình thế khổ sở. — *Sung túc*: không thiếu thốn gì, đủ ăn, đủ dùng. — *Mình gầy sác ve*: vì gầy như ve-sâu, chỉ có sác mà thôi, chỉ có da bọc xương. — *Sơ rộng*: đây là lời thôi rạch rưới quá. — *Từ con*: đây nghĩa là chết.

CÂU HỎI. — Người đàn bà ấy cho con đi học ở đâu? Người ấy thương con thế nào? Người con có thể-lắt lòng mẹ không? Sau người mẹ ra làm sao? Khi con về đến nhà thì thế nào? Ý anh nghĩ người mẹ và người con thế nào?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Cha mẹ làm lưng khó nhọc nuôi ta ăn học, ta đối với người phải thế nào?

II. --- Giải nghĩa câu: « Yêu cho vọt, ghét cho chơi. »



12. — LÊ THÁI-TỔ KHỞI NGHĨA Ở LAM-SƠN

Dại-ý. — Một đấng anh-hùng rất có vẻ vang trong lịch-sử nước nhà là vua Lê Thái-Tổ. Ngài từ bé đã có trí lớn. Bấy giờ dân ta bị người Tàu cai trị một cách rất tàn ác. Ngài bèn quyết chí đem tài ra cứu nước, yên dân, khởi nghĩa ở núi Lam-sơn, đánh đuổi quân Tàu, trong khoảng mười năm, nhiều trận gian-nan, mới khôi phục được giang-sơn, lên ngôi Hoàng-đế, dựng cờ độc lập, làm vẻ vang cho nòi giống.

Từ khi nhà Minh sang cai-trị Annam, dân ta phải khổ nhục trăm đường, tiếng oan không kêu ra được, lòng tức giận ngấm nghĩa ở trong tâm can, chỉ mong mỗi ra cho khỏi đồng than lửa. May lúc ấy có một đấng anh-hùng nổi lên, kéo cờ nghĩa để

chống với giặc Minh, trong 10 năm lại lấy được giang sơn cũ và xây đắp lại cái nền tự-lập cho nước nhà.

Đấng anh-hùng ấy, người ở Lam-sơn, tỉnh Thanh-Hóa, họ Lê tên là Lợi. Đã mấy đời làm nghề canh-nông, nhà vẫn giàu có, lại hay giúp đỡ cho kẻ nghèo hèn, cho nên mọi người đều phục và những tôi tớ ước có hàng nghìn người. Ngài khảng-khải có chí lớn, quan nhà Minh nghe tiếng dỗ cho làm quan, nhưng ngài không chịu khuất, thường nói rằng: «Lam trai ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, dè tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ người.» Bèn giấu tiếng ở chỗ sơn lâm, đón mời những kẻ hào-kiệt, chiêu tập những kẻ lưu-vong.

Đến năm 1418 ngài cùng với tướng là Lê-Thạch và Lê-Liễu khởi binh ở núi Lam-sơn tự xưng là Bình-Định-vương, rồi truyền hịch đi gần xa, kể tội nhà Minh để cho rõ cái mục-dịch của mình khởi nghĩa đi đánh. Trong khoảng mười năm, đánh đông dẹp bắc, nhiều trận gian-nan, mới lấy lại được giang-sơn nước nhà.

TRẦN-TRỌNG-KIM

GIẢI NGHĨA. — *Khởi-nghĩa* : vì nghĩa mộ quân để đánh đuổi quân thù cho nước. — *Tâm can* : tâm : (quả tim), can : (lá gan), cổ-nhân thường cho sự lo nghĩ và lòng tức giận đều chủ động ở con tim và lá gan. — *Than lửa* : chỗ than đỏ lửa nóng là chỗ cực khổ cho người đời -- *Canh-nông* : cấy bừa và làm ruộng -- *Chịu khuất* : chịu theo ý người mà

mắt liết nhưn của mình. — *Sơn lâm*: núi và rừng. — *Hào-kiệt*: người anh-hùng, có chí phi thường. — *Lưu vong*: kẻ phải tội di đầy và kẻ phải trốn tránh. — *Mục đích*: cái đích để mắt nhìn mà bắt, đây nghĩa là chủ-nghĩa của ngài.

CÂU HỎI. — Bài này chia làm mấy đoạn? và trong mỗi đoạn nói chuyện những gì? Vua Lê-Lợi có muốn ra làm quan với người Tàu không? Ngài thường nói thế nào? Sao ngài muốn mộ quân khởi nghĩa? Năm nào ngài khởi binh ở núi Lam-sơn?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Các anh đã học Nam-sử, hãy kể một đấng anh-hùng vì lòng yêu nước thương dân mà đã lập công danh hiển hách, để tiếng nghìn đời và làm vẻ vang cho lịch-sử nước nhà.

II. -- Các anh hãy giải nghĩa câu vua Lê Thái-Tổ thường nói. Theo như ý tưởng của các anh thì xét câu ngài nói đó ra sao?

13- — QUẢ ĐẤT LUÂN CHUYỀN

Đại ý. — Vì tại quả đất luân chuyển nên có ngày, đêm, mùa nóng, mùa lạnh. Bài sau này cắt nghĩa rõ rệt ấy.

Quả đất luân chuyển có hai thể:

1. — Nó xoay tròn 24 giờ được một vòng, hình như có một cái chốt.

Phía trên là bắc-cực, phía dưới gọi là nam-cực. Trong lúc nó xoay tròn, thì một nửa chịu ánh sáng mặt trời, một nửa thì tối; vậy sự xoay tròn ấy làm ra ngày đêm.

2. — Nó lại xoay sung quanh mặt trời trong 365 ngày và 6 giờ đồng-hồ thì được một vòng. Sáu giờ lẻ ấy trong 4 năm thì được 24 giờ, nghĩa là một ngày một đêm, cho nên hết đủ 4 năm tây thì có một năm nhuận là 366 ngày, còn năm thường là 365 ngày.

Mùa. — Quả đất vừa đi vừa xoay chung quanh mặt trời, thì cái chốt nằm nghiêng trên đường quỹ-đạo, nên các phần đất chịu nóng mặt trời không đều. Trong 6 tháng thì bắc-cực quay về gần mặt trời, cho nên bắc-bán-cầu chịu nóng nhiều hơn và ngày dài hơn đêm; còn nam-bán-cầu thì xa mặt trời, chịu nóng ít hơn, và đêm dài hơn ngày.

Trong 6 tháng thì nam-cực lại quay về gần mặt trời, cho nên nam-bán-cầu chịu nóng nhiều hơn và ngày dài hơn đêm, còn bắc-bán-cầu thì xa mặt trời, chịu nóng ít hơn và đêm dài hơn ngày.

Bởi thế thời-tiết không được đều. Một năm có 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mỗi mùa là ba tháng, mùa hạ nóng, mùa đông rét, mùa xuân và mùa thu thì đều hòa.

TRẦN-VĂN-THÔNG

GIẢI NGHĨA. -- *Luân chuyển*: là cứ xoay tròn đi như cái bánh xe vừa quay vừa đi. -- *Bắc-cực*: là đầu quả đất về phía trên. -- *Nam-cực*: là đầu quả đất về phía dưới. -- *Quỹ-đạo*: là đường quả đất đi chung quanh mặt trời. -- *Bắc-bán-cầu*: là một nửa quả đất từ xích-đạo đến Bắc-cực. -- *Nam-bán-cầu*: là một nửa quả đất từ xích-đạo đến nam-cực.

CÂU HỎI. -- Quả đất tự mình nó xoay tròn hết một vòng là gì? Tại sao lại có ngày đêm? Nó đi chung quanh mặt

giời hết một vòng là gì? Tại sao lại có năm nhuận? Trong một năm có mấy mùa, là những mùa gì? Tại sao mà lại chia ra làm bốn mùa?

BÀI TẬP LÀM VĂN -- I. Hãy nói vì tại làm sao lại có năm nhuận năm không.

II. -- Hãy cắt nghĩa vì có sao trong một năm phân chia ra làm bốn mùa.

14. — CÁC NHÀ BẢO-TÀNG

Đại ý — Những nhà Bảo-tàng là những sở lớn, để cho công chúng, mỗi tuần lễ là mấy ngày, được vào xem những bộ sưu-tập, các vật quái lạ, hay là các vật hiếm có, hoặc là những vật gì quý và đẹp, ở Hanoi có ba nhà Bảo-tàng, nhờ đó xir ta mau phát đạt về đường tinh-thần cũng về đường vật-chất.

1^o — ĐỊA-CHẤT BẢO-TÀNG-VIỆN

Nhà Bảo-tàng này không mở cho công-chúng vào xem. Nhưng ai khảo về địa-chất thì có thể vào mà quan sát được.

Môn địa-chất là khảo về đất cát, các thứ đá, và các quặng, mỏ, học về những chất các núi và các thung-lũng, các miền lưu-vực, học tại sao đá lở, cũng là vì nước chảy đá mòn làm thành ra những hang đá ở các núi; học về những mỏ than, và các loài kim-khí, và những cách dò thấy mạch để tìm các nơi có mỏ. Thực là một môn học rất ích lợi.

Nhà Bảo-tàng này có giá-trị nhất cõi viên-đòng.

HENRI CUCHEROUSSET soạn,

TRẦN-VÂN-QUANG dịch,

GIẢI NGHĨA. -- *Công chúng* : mọi người. -- *Quan sát* : xem xét kỹ càng. -- *Môn học* : môn học. -- *Có giá trị* : đáng giá hơn cả.

CÂU HỎI. -- Mọi người có được vào nhà địa-c ất bảo-tàng-viện không ? Ai được phép vào đấy. Nhà bảo-tàng này lập ra để làm gì ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Có mấy thứ nhà Bảo-tàng ? Mỗi thứ có ích lợi cho ta những việc gì ?

II. -- Anh quen biết một người thích chơi đồ cổ. Hãy nói những cách người ta gìn giữ những vật ấy thế nào ?

15. — BỆNH DỊCH TẢ

Đại ý. — *Bệnh dịch tả là bệnh rất hay lây và nguy-hiểm. Có khi người mắc bệnh tả chỉ trong vài giờ là chết, vậy ta nên giữ gìn một cách cẩn-thận mới tránh được cái sự nguy-hiểm ấy.*

CÁCH PHÒNG BỆNH TẢ

1 Khi biết bệnh mới phát ra phải đi báo quan thầy thuốc ngay.

2 Không nên dùng đến những thức ăn thức uống cùng các đồ dùng mà phân người có bệnh đã dính phải, vì trong phân ấy có vi-trùng bệnh tả.

3 Một ngày phải rửa tay nhiều lần cho cẩn-thận, nhất là trước bữa ăn, nếu đã bước vào phòng

người ốm thì phải rửa mặt mũi chân tay cho kỹ để khỏi đem bệnh sang nơi khác.

4 Đồ sống sít chớ nên ăn, rau sống quả xanh phải kiêng kỹ, chỉ nên uống nước đun sôi để nguội, hay nước chè loãng đừng pha nước lã vào chè, hoặc để cho loãng đi hoặc để cho nguội.

5 Trước khi ăn cơm phải đun sôi bát đĩa đồ dùng về bữa ăn.

6 Chớ giặt quần áo trong ao giếng mà người ta thường gánh nước về ăn.

7 Nếu không cần phải đến nhà người mắc bệnh dịch thì chớ đến làm gì.

8 Nếu có người mắc bệnh dịch thì phải chà sát luôn cho người ta, cho uống nước nóng, thỉnh thoảng cho vài giọt rượu mạnh, lấy chăn bọc khắp mình người ốm rồi lấy vài bọc gạch thật nóng để chung quanh người.

9 Nếu người ốm chết thì phải tìm chỗ đất thật cao xa các nhà ở và đầm ao và phải rắc vôi bột vào rồi hãy lấp đất. Khi đưa người chết đi rồi phải rắc vôi bột chung quanh nhà và phải đốt hết cả quần áo và đồ dùng của người chết và nhà phải lấy diêm sinh (soufre) mà hun. Làm như thế thì mới tránh được bệnh dịch tả.

GIẢI NGHĨA. — *Bệnh tả* : bệnh đi ngoài. — *Vì-trùng* : sâu rất nhỏ — *Kiên cố* : không dám phạm đến — *Chà sát* : soa đi soa lại. — *Vôi bột* : vôi tả ra như bột.

CÂU HỎI. — Bệnh dịch tả là bệnh gì ? Khi thấy bệnh phát ra một nơi nào thì phải làm thế nào ? Làm thế nào mà tránh được bệnh dịch tả. Khi người bệnh chết rồi thì làm thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Khi có bệnh dịch tả thì anh giữ gìn thế nào ?

II. — Anh thường thấy đám rước cầu mát. Hãy tả đám rước ấy. Kết luận rằng: Rước sách thế là dị-doan.



16. — TÌNH THẦY TRÒ

Đại ý. — Bài sau đây là trích lấy một đoạn trong bài chức-từ một cậu học-sinh lớp thành-chung hội Trí-Tri Hanoi.

Từ ngày chúng con chịu ơn giáo-dục các thầy đến giờ thì chúng con đối với các thầy khác nào như chúng con đối với thúc phụ chúng con vậy, mà các thầy đối với chúng con thật không có điều gì dấu diếm, không có điều gì biết mà các thầy không truyền bá cho chúng con hay, xuất năm xuất tháng, các thầy chỉ để tâm, để trí làm cho chúng con được sung sướng về sau.

Ấy cũng nhờ cái khó, cái nhọc cái vất vả, cõ bồng hòng của các thầy mà cái vườn kiến-thức của chúng con mới được rườm rà xanh tốt.

Cái vườn kiến-thức của bọn thiếu-niên học-giả mà được rườm rà thì cái cơ-nghiệp của núi Tản sông Lô mới còn con hiền cháu thảo kế tự, cái trình-độ của xã-hội mới tiến hóa mau được.

Vậy chúng con xin mình tâm khắc cốt cái công các thầy đào-tạo trí-khôn cho chúng con.

GIẢI NGHĨA. — *Giáo-dục* : dạy dỗ. — *Thúc phụ* : cha chú. — *Truyền bá* : truyền cho, dạy cho. — *Mình tâm khắc cốt* : ghi nhớ mãi mãi như chôn vào ruột như khắc vào xương.

CÂU HỎI. — Ai dạy ta hay ? Tại sao thầy giáo phải chịu khó nhọc để dạy bảo ta ? Muốn tỏ lòng ơn nghĩa cùng thầy ta phải thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy viện lẽ để chứng rằng những học trò giỏi thường sau nên người hữu dụng.

II. — Kể những công lao của thầy giáo đối với các học trò. Muốn tỏ lòng ơn nghĩa anh định phải làm thế nào ?

17. — CHUYỆN VUA LÝ THÁI-TÔ

Đại ý. — Vua Lý Thái-Tô sinh tại chùa Ứng-Tâm (Bắc-Ninh). Đêm sinh ra ngài có hào-quang sáng rực và có mùi hương thơm ngào ngạt. Rồi sau làm vua nhà Tiền-Lý.

Ông sư chùa Ứng-Tâm đêm hôm trước năm mợ thấy ông Long-thần báo mộng rằng : « Ngày mai dọn chùa cho sạch, có Hoàng-đế đến. » Nhà sư tỉnh dậy sai tiểu quét dọn sạch sẽ, chực đợi từ sáng đến chiều chỉ thấy một người đàn bà có mang xin vào ngủ nhờ.

Được vài tháng, có một đêm, thơm nức cả chùa, nhà sư thức dậy trông ra tam-quan thì thấy sáng rực lên. Nhà sư sai bà hộ-chùa ra thăm thì người

đàn bà ấy đã sinh ra một đứa con gái. Bà họ-chùa bế đứa bé vào chùa cho nhà sư xem thì thấy hai bàn tay có bốn chữ son : « Sơn hà xā-tắc. » Xem rồi, bỗng-nhiên giới nổi cơn mưa to gió nhớn. Đến lúc bà họ-chùa trở ra thì người đàn bà đã chết rồi. Từ đấy nhà sư nuôi người con gái, lên sáu tuổi đã có khí-phách thông-minh.

Ngài nhớn lên, khẳng-khải có chí khí to, làm lên đến chức Tứ-tướng quân-chế chỉ-huy-sứ, thống-linh hết quân túc-vệ.

Đến khi vua Ngọa-Triều mất, vua kế-trị còn nhỏ, các quan triều lập ngài lên làm vua. Ngài ở ngôi được 18 năm thì mất.

GIẢI NGHĨA. — *Thần-sinh* : là bố đẻ ra mình. — *Long-thần* : là ông thần coi về mạch đất chùa. — *Tam-quan* : là cái cổng chùa chia ra làm ba cửa.

CÂU HỎI. — Ngài sinh ở đâu ? Đem sinh ra ngài có sự gì lạ không ? Ngài là người thế nào ? Ngài đóng đô ở đâu và trị vì được mấy năm.

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy kể chuyện đức Lý Thái-Tổ lúc còn nhỏ.

II. — Vua Lý Thái-Tổ cứu dân giúp nước những việc gì hãy kể ra.

18 — CẢNH HUẾ

Đại ý. — Phong-cảnh thành Huế đẹp dễ như bức tranh vẽ, không những do tại có lâu đài nguy-nga, đường phố sạch sẽ, nhưng nhất vì có sông Hương, núi Ngự.

Người khách mới đến thành Huế tưởng như bước chân vào bức tranh cảnh : chung quanh núi, giữa con sông, nhà cửa tụ họp hai bên bờ, trên bến dưới thuyền, trông xa một tòa thành cổ bao-la, thâm-nghiêm kín cổng. Cái phong-cảnh Huế sở-di đẹp là thứ nhất bởi con sông Hương-giang. Con sông xinh thay ! Hanoi cũng có sông Nhị-hà, mà sông Nhị với sông Hương khác nhau biết chừng nào. Một đằng ví như cô con gái tươi cười ; một đằng ví như bà lão già cay nghiệt. Nhị-hà là cái thiên-tai của xứ Bắc, Hương-giang là cái châu-báu của xứ Kinh. Nước trong như vắt, giòng phẳng như tờ, ít khi có tí sóng gợn trên mặt, đi thuyền trên sông như đi trong hồ vậy. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của xứ Huế giảm mất nửa phần. Nhưng đã có sông Hương lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thực toàn xinh

PHẠM-QUỲNH (Mười ngày ở Huế)

GIẢI NGHĨA. — *Thiên-tai* : cái tai hại giới làm. — *Châu báu* : hòn ngọc quý hóa. — *Giảm đi* : bớt ít đi. — *Toàn xinh* : thật đẹp đủ mười phần.

CÀU HỎI. — Tại sao người ta ví thành Huế như bức tranh cảnh ? Những nguyên-nhân gì làm cho thành Huế xinh đẹp thế ? Sông Nhị-hà và sông Hương khác nhau thế nào ? Núi Ngự-Bình ở đâu ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. I. Tả cảnh một bức tranh sơn thủy đẹp mà anh thường trông thấy.

II. — Tả cảnh con sông chảy qua miền anh ở. Con sông nơi anh ở giúp cho dân miền ấy những việc gì ?

19. — MỸ-THUẬT VÀ KIẾN-CHỨC BẢO-TÀNG VIỆN.

Đại ý. — *Nhà Mỹ-thuật và Kiến-chức Bảo-tàng để các nhà mỹ-thuật đến mà học lấy những sự tinh-sảo cùng những mẫu xinh đẹp của các đồ vật.*

Nhà Bảo-tàng này ở tại Hanoi đằng sau rạp hát tây. Đối với xã-hội bản-xứ thì nhà Bảo-tàng này rất có danh tiếng thuộc về một sở bác-học là : trảng Viên-đồng khảo-cổ.

Trong nhà Bảo-tàng có những đồ cổ rất đẹp bằng đồng, bằng đồng đen, hoặc là những món đồ gỗ, đồ sứ, những bức họa và những bức thêu rất tinh thần, những món đồ gỗ quý của Trung-hoa, Tây-tạng. Xiêm cũng là bản-xứ ; toàn là những món đồ cổ rất tinh-sảo.

Người thường-dân cứ thứ năm và chủ-nhật thì được phép đến nhà Bảo-tàng mà xem xét tự-do. Vào xem trong nhà Bảo-tàng, trong một giờ đồng hồ thì được trông thấy những vật quý không kém gì trong cung điện nhà vua ở đất đế-kinh. Thế nhưng các mục-đích của nhà Bảo-tàng không phải là chỉ để làm cho đẹp mắt. Vốn là để các nhà mỹ-thuật đến mà quan sát để học lấy những sự tinh-sảo đời xưa. Sau nữa là để cho các nhà cự-phủ học lấy cách phân biệt những sự tinh-sảo chân thực, cùng là những kiểu mẫu thần tình của các lân-quốc, như vậy thì biết cách phân-biệt các món hàng,

những khi mua những món đồ quý để bài trí trong nhà thì không bị hờ nữa.

HENRI CUCHEROUSSET soạn.

TRẦN-VĂN-QUANG dịch

GIẢI NGHĨA. — *Đế kinh*: kinh thành nhà vua. — *Cự-phủ*. giàu to. — *Bài trí*: bày biện trang hoàng cho đẹp.

CÂU HỎI. — Trong nhà bảo-tàng ấy có những thứ gì? Nhà Mỹ-thuật và Kiến-chức Bảo-tàng giúp cho ta được những việc gì?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Lục tử sách, anh thấy những quyển vở lúc anh mới đi học vỡ lòng. Anh thấy quyển vở ấy thì cảm động thế nào, hãy nói ra.

II. — Một người anh em bạn anh có tình tắt mắt những vật sinh đẹp ở trong tủ đựng đồ dùng để dạy học (musée scolaire) anh khuyên họ bỏ tình ấy đi.

20. — GIỮ CHO NGƯỜI TA KHỎI MUỖI ĐỐT.

Đại ý. — Muỗi ưa ở chỗ tối, thế thì người ta phải tránh những nơi tối, phải mở cửa cho thông khí giới, phải quạt trong nhà để đuổi muỗi ra, phải dùng màn, muốn giữ cho người ta khỏi muỗi đốt phải theo cách sau này.

Tại rằng muỗi làm lan ra bệnh sốt rét, thì phải trừ hết muỗi đi, thế thì bệnh sốt rét không truyền ra được. Nhưng mà trừ muỗi trước khi nó đã hóa ra thì dễ hơn nhiều lắm. Muỗi đẻ trứng ở trên bờ sông bờ suối mà nhất là hay đẻ ở các đầm, ở các vũng và ở trong những cái gì đọng nước không hay thay.

Trước muối nở ra bọt nó lặn ở dưới nước; nhưng bọt ấy giống như con sấu nhỏ tí rồi ít lâu nó hóa ra muối. Ấy chính những con bọt ấy là phải giết nó đi.

Người ta làm thế này thì được: Một là đồ dầu hỏa hay là dầu ta lên mặt nước có bọt ấy, bởi vì làm thế thì bọt nó không thở được, nó chết ngay. Hai là thả cá xuống đầm ao cho nó ăn bọt.

Nhưng mà làm cho những trứng nó không nở ra được thì lại càng hay hơn, thế thì phải làm cho hết vũng nước đi, phải lấp những đầm ao, rồi cấy cấy, và phải xẻ rãnh cho nước chảy đi cho khô đất, những cái gì đọng nước phải đầy lại, những cái gì vô ích mà nước đọng lại được (như cái hộp sắt tây cũ, cái đít chai vỡ) thì phải bỏ đi. Trứng bọt không để ở dưới nước thì không nở ra được, hễ nắng thì nó chết và nó không sinh ra muối được.

D^r LECOMTE

GIẢI NGHĨA. — *Truyền ra*: lan ra. — *Nở ra*: sinh ra. — *Dầu hỏa*: dầu mỏ ta thường gọi là dầu tây. — *Dầu ta*: dầu ép những hạt ra như dầu lạc dầu vừng.

CÂU HỎI. — Muối làm hại ta những gì? Muối trừ nó đi phải dùng cách gì?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Tả hình dạng con muối. Nó làm hại ta những gì. Muốn trừ nó phải làm thế nào?

II. Hãy nói tại lẽ gì những nhà sạch sẽ, sáng sủa, mát mẻ thì ít ruồi muỗi.

21. — THƯ CON VIẾT CHO CHA.

Dại ý. — *Bức thư sau đây là của dirc Bá Đa Lộc gửi về nhà cho song-thân. Trong thư ấy ông nói đại khái cái lòng sở-nguyện của ông đã lâu là đi giảng đạo các nơi xa để ra tay tế độ những dân-lộc còn đang u mê trong vòng huyền-hoặc.*

« Con chưa biết thầy mẹ làm thế nào mà biết được tin con đã trốn đi, và khi được tin ấy rồi thì thầy mẹ buồn rầu đến thế nào, con quyết chí đi mà không nói cho thầy mẹ biết trước, thực cũng là ngậm ngùi bất-đắc-dĩ, vì con chắc nói ra thì thầy mẹ chẳng cho con đi nào. Nếu để thầy mẹ ngăn cấm thì cái lòng sở-nguyện của con không thành được. Con vẫn biết thầy mẹ vốn có lòng từ-thiện, nên con dám mong rằng thầy mẹ sẽ ưng thuận cho con đi làm một việc đại-nghĩa thế này và sẽ sẵn lòng đại-xá cho con, chắc ở nhà thầy mẹ đã cho con là một đứa bất-hiểu không biết kính nể gì thầy mẹ. Nếu vậy thì thực là oan con quá. Con vẫn tạc dạ những cái tình tình kính ái mà thầy mẹ đã gây nên ở trong tâm trí con, và chưa hề bao giờ con quên được thầy mẹ.

« Con qua Cadix là vì chiếc tàu con đi phải đỗ ở đây để chờ bạc đồng sang Ấn-độ. Nhân tàu đỗ vài ngày, nên con viết thư này về hầu thầy mẹ và thăm cả nhà. Cái thư này là thư cuối cùng của con gửi về nhà tại đất Âu-châu. »

Trích ở bài diễn-thuyết của
ĐỒ-ĐÌNH-NGHIÊM

GIẢI NGHĨA. -- Ngậm ngùi : áy náy trong bụng. — *Bắt đặc gĩ* : không dừng được. — *Lòng sở nguyện* : bụng muốn làm. — *Lòng từ thiện* : lòng hiền lành.

CÂU HỎI. — Ông Bạch-Đa-Lộc tại sao trốn nhà đi ? Không nói với cha mẹ mà trốn đi thì ông có lỗi không ? Tại sao ông viết thư này về nhà ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Anh thường thấy người đưa thư đi qua phố hãy tả hình dáng người ấy.

II. — Hãy tả cảnh nhà giấy thép về miền anh ở.

22. — NHỜI CHA DẶN CON

Đại ý. — Khi cha mẹ thấy con lười biếng nhằm lỗi, thì hay quở phạt ; một đôi khi quở phạt quá nghiêm : — nhưng thế mặc lòng, bao giờ cũng vẫn thương yêu con, mong cho con nên người. Vậy bổn-phận làm con phải ngoan ngoãn để cha mẹ vui lòng thoả dạ.

Cha quở con có khi nặng quá,
Cho nên cha tác dạ chẳng khuây.
Kia hai con mắt thơ ngây ;
Hai hàng lụy nhỏ sự gày tại mình,
Cơn nóng giận đã đánh quá lạm,
Mà lỗi con có phạm gì đâu,
Chẳng qua nhẹ dạ quên mau,
Lòng con có định thế đâu mà rằng.
Trong cơn giận nói năng không nghĩ,
Cho nên điều cha tệ với con.
Con ơi ! hãy ngọt cơn buồn,

Lòng cha đau đớn lại còn bằng ba.
 Ấy nghiêm quá hóa ra buồn bực,
 Nhớ về sau một mực thế này,
 Nhớ rằng cha cực lòng thay,
 Mỗi khi phải phạt phải rầy đến con,
 Cảnh buồn ấy con chôn vào dạ,
 Mặt cha buồn con đã thấy đây,
 Mai sau nhớ đến lúc này,
 Thi con ngoan ngoãn chẳng ngày nào quên.
 Sự đã thế vậy nên đành trót,
 Con dại mà cha phạt quở con.
 A ! con đã tỏ nguồn cơn,
 Ngừng đầu con đã hết hờn rồi ư ?

(Trích báo Đông-Dương-tạp-chí)

GIẢI NGHĨA. — *Chẳng khuấy* : chưa nguôi lòng. — *Thơ ngày* : bé dại. — *Chôn vào dạ* : nhớ cho kỹ, — *Hàng lụy* : hàng nước mắt.

CÂU HỎI. — Tại sao cha mẹ lại hay quở phạt con ? Khi cha mẹ thấy con lười biếng thì có vui lòng không ? Muốn cho cha mẹ được vui lòng thì anh phải thế nào ? Người con mà làm cho cha mẹ phải buồn rầu, lo nghĩ, có phải là người con tốt không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Cậu học trò lười.

Người học trò lười biếng tinh nết và học hành thế nào, anh nói ra.

II. — Người học trò chăm chỉ,

Người học trò chăm chỉ thì tinh nết và học hành thế nào anh nói ra.

23. — TRẦN-HƯNG-ĐẠO

Đại ý. — Đức Trần-Hưng-Đạo quê ở làng Tức-mạc tỉnh Nam-định, ngài giúp vua nhà Trần dẹp giặc Mông-cổ.

Đức Hưng-Đạo đại-vương quê ở làng Tức-mạc, tỉnh Nam-định, con ông An-Sinh-vương Liễu.

Khi trước An-Sinh-vương phu-nhân, năm mơ thấy một ông thần tinh vàng tướng ngọc, tự xưng là Thanh-Tiên đồng-tử phụng mệnh Ngọc-hoàng xuống đầu thai, nhân thế có mang. Đến lúc sinh ra vương, có hào-quang sáng rực cả nhà và có mùi hương thơm ngào ngạt.

Vương, khôi-ngô, kỳ-vĩ, thông-minh sớm lắm, lên 5, 6 tuổi đã biết làm thơ ngũ-ngôn và hay bày chơi đồ bát trận. Khi gần nhớn, học rộng các sách, thông hết lục-thao, tam-lược, có tài kiêm cả văn võ.

Trong năm Nguyên-phong thứ bảy đời vua Thái-tôn có giặc Mông-cổ lấn vào phận Hưng-hóa, vua sai vương cầm quân lên giữ mặt thượng-du. Đến đời vua Nhân-tôn, Mông-cổ lại sai Thoát-Hoan đem bọn Toa-Đô, Ô-mã-Nhi chia đường sang đánh nước Nam, vương phụng mệnh thống lĩnh các quân của vương hầu, hội cả ở trại Vạn-kiếp để chống nhau với quân Mông-cổ. Năm Trùng-hung thứ ba, Thoát-Hoan lại đem bọn Ô-mã-Nhi, A-bát-Xích sang quấy lần nữa. Vương sai Trần-khánh-Dur phục quân chặn đường, đốt phá được hết thuyền lương của giặc.

Từ bấy giờ quân Mông-cổ sợ uy danh ngài, không dám gọi tên, chỉ gọi là Hưng-Đạo-vương và không dám sang quấy nhiễu nữa.

Ngài nhân có công ấy, được tiến phong làm Thái-sư-thượng-phụ Hưng-Đạo-đại-vương. Vua tôn kính coi như đạo cha, lập ra miếu sinh-tử ở Vạn-kiếp và khắc văn bia để tỏ công đức của ngài.

(*Nam-hải dị-nhân*)

GIẢI NGHĨA. -- *Tự-sung* : tự mình đặt lấy tên mình. — *Hào-quang* : ánh sáng. — *Lục-thao, tam-lược* : là những sách học võ. — *Phụng-mệnh* : vâng mệnh nhà vua. — *Sinh-tử* : là đền thờ làm từ khi còn sống.

CÂU HỎI — Trần-Hưng-Đạo ngài là con ai? Lúc sinh ngài có gì lạ không? Sự học hành của ngài thế nào? Ngài chống mấy quân Mông-cổ tất cả mấy trận? Đền thờ ngài bây giờ thuộc về đâu và mỗi năm cứ đến tháng mấy thì có hội chùa ngài?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Bồn phạn dân đối với nước phải thế nào?

II. — Nước Nam ta thường thấy các dân xã làm đền thờ các bách thần là ý làm sao? Các anh kể ra xem.



24. — CÁCH THÍ NGHIỆM QUẢ ĐẤT LUÂN-CHUYỀN

Đại ý. — Tuy sự học-vấn đã mở mang thế mà còn nhiều người vô-học-thức tin rằng quả đất không luân chuyển. Cách thí-nghiệm sau này có thể phát minh cho họ được.

Muốn giải nghĩa quả dất luân chuyển thì lấy một quả cam cắm cái chốt tre vào giữa má làm quả dất, thắp một cây nến đề vào giữa bàn tròn làm mặt giới. Còn quả cam nghiêng ở ngoài bìa, rồi xoay tròn, thì một bên sáng là ngày, một bên tối là đêm.

Vừa xoay vừa dời quả cam đi giáp một vòng cái bàn, thế là quả dất luân chuyển xung quanh mặt giới, một năm giáp một vòng.

Khi xoay tròn thì cầm quả cam nghiêng nghiêng luôn, chỉ cho học trò xem rằng :

Lúc mùa hạ thì bắc-cực quay đầu vào mặt giới, nên bắc-bán-cầu sáng nhiều hơn và chịu nóng nhiều hơn, thì ngày dài hơn đêm, lại nóng nực hơn. Còn lúc mùa đông thì nam-cực quay gần về mặt giới, bắc-cực lại xa ra, nên bắc-bán-cầu lúc ấy chịu ánh sáng và nóng ít hơn, thì ngày ngắn hơn đêm, thời-tiết lại lạnh.

TRẦN-VĂN-THÔNG

GIẢI NGHĨA. — *Thí-nghiệm* : là thử và suy xét xem có đúng có thực không. — *Phát minh* : là nói rõ ràng ra cho người ta hiểu biết.

CÂU HỎI. — Muốn giải nghĩa quả dất luân chuyển thì phải làm thế nào ? Tại làm sao mùa hạ nóng và ngày dài ? Tại làm sao mùa đông rét và ngày ngắn ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy nói cách quả dất luân chuyển thế nào.

II. — Anh hãy cắt nghĩa vì tại làm sao mà về mùa hạ thì thời tiết nóng nực, còn về mùa đông lại lạnh.

25. — DỊCH TRÂU BÒ

Đại ý. — Trâu bò là những loài vật rất có ích, nên nhà nước đã đặt ra điều-lệ để phòng bệnh dịch những loài vật ấy. Ta phải vui lòng tuân theo những luật lệ ấy.

Mấy năm nay cứ đến mùa nực, thì các tỉnh thường xảy ra dịch trâu bò, chết hại rất lắm. Nhà nước đã dùng đủ mọi cách để trừ cho dân cái vạ ấy mà vẫn không lại, là bởi vì dân nhà quê thường vì tư lợi, không chịu theo thể-lệ nhà nước, cho nên mấy hại lây đến cả mọi người như thế. Như nhà nào có con trâu con bò mắc bệnh, đáng lẽ phải đi trình để quan thú-y về chữa chạy và giữ gìn cho bệnh khỏi lây sang trâu bò khác mấy phải. Họ đã không trình thì chớ, lại giết ngay trâu bò có bệnh ra chợ bán, không biết rằng trong khi trâu bò đi từ nhà ra đến chợ, đã rắc ra đường biết bao nhiêu là vi-trùng bệnh dịch, vô-phúc con nào đi qua chỗ có vi-trùng ấy là mắc bệnh liền. Những con trâu bò bị lây ấy lại làm lây sang nhiều con khác nữa, vì thế mà mỗi năm thường xảy ra cái vạ dịch trâu bò. Trâu bò là loài vật rất cần cho nhà làm ruộng, nếu cứ để cái vạ dịch năm năm hằng lại thì rồi sau này lấy trâu bò đâu mà làm ruộng? Ấy vì lẽ ấy mà nhà nước đặt ra điều-lệ phòng bệnh dịch trâu bò chẳng qua cũng là lo cho dân cái hậu-hoạn ấy vậy.

TRỌNG-KHIÊM

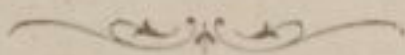
(Chính-pháp yếu-lược)

GIẢI NGHĨA. — *Mùa nực* : mùa nóng, mùa hè. — *Dịch trâu bò* : nhiều trâu bò chết cùng một bệnh. — *Cái vạ* : cái hại. — *Hậu-hoạn* : cái lo về sau.

CÂU HỎI. — Tại sao nhà nước đặt ra điều-lệ để phòng bệnh dịch trâu bò ? Vì có gì dịch trâu bò hay lan rộng ra mọi nơi ? Theo luật lệ để phòng bệnh dịch trâu bò thì có lợi không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Trâu bò giúp đỡ ta những việc gì ? Phải chăm chút cho nó thế nào ?

II. — Hãy kể một chuyện một người nhà quê không biết giữ gìn chăm chút trâu bò mà phải thiệt hại.



26. — NÔNG CÔNG THƯƠNG BẢO TÀNG

Đại ý. — *Nông-công-thương Bảo-tàng* để tra hỏi về nguyên-ủy các sản-vật, các hàng-hóa, cách xuất sản và giá bán các hàng hóa ấy.

Nông-công-thương Bảo-tàng có đủ các thứ địa-sản, các thứ hàng-hóa chế-tạo ở bản-xứ cũng là do các lân-quốc và các mẫu hàng có thể mua bán tại xứ Bắc-kỳ này. Ở nhà Bảo-tàng thì có thể tra hỏi về nguyên-ủy các sản-vật, các hàng-hóa, nào là giá bán, nào là cách xuất-sản. Ai cũng có phép xem xét và hỏi quan đốc nhà Bảo-tàng để ngài chỉ dẫn và diễn giải hết mọi điều về các món. Nhờ về thế mà ở xứ Bắc-Kỳ này thêm ra nhiều những nghề mới. Ở miền nhà quê, biết bao nhiêu người cực-khổ, nhờ về những nghề mới ấy mà thêm cách sinh-

nhai, dè những buổi không có việc mùa màng thì đều kiếm được một hào hay mười lăm xu một ngày. Nhờ về những nghề mới ấy mà biết bao nhiêu thứ cây xưa kia không ích gì, đến nay thành ra đặc-dụng lắm, người ta lại phải cấy thêm dè gây giống mà dùng mãi mãi nữa.

HENRI CUCHEROUSSET soạn

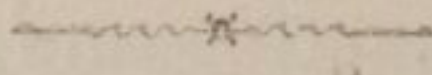
TRẦN-VĂN-QUANG dịch

GIẢI NGHĨA. — *Địa-sản* : sản-vật của đất làm ra. — *Lân quốc* : nước bên cạnh. — *Nguyên-ủy* : cội gốc. — *Xuất sản* : sinh ra. — *Đặc dụng* : dùng được.

CÂU HỎI. — Nông-công-thương Bảo-tàng có ích gì cho ta ? Quan đốc nhà Bảo-tàng làm công việc gì ? Kể một vài nghề nhờ nhà Nông-công-thương Bảo-tàng mà mới phát hiện ra ở xứ ta.

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy viết thư thay cho thầy mẹ anh lên quan đốc Nông-công-thương Bảo-tàng Hanoi để xin ngài chỉ bảo cách trừ cào-cào thế nào ?

II. — Một người chủ đồn điền nhờ anh viết một bức thư lên quan đốc nhà Nông-công-thương Bảo-tàng Hanoi để hỏi cách vun bón lúa thế nào cho tốt hơn. Hãy viết hộ người ấy.



27. — NHỜI KHUYÊN HỌC TRÒ NHÀ QUÊ

Đại ý. — Canh-nông là nghề gốc nước ta. Những người có học-thức mà biết soay về nghề qui báu ấy chắc được lộc nhiều.

Các cậu học trò nhà quê ta ơi,
Các cậu chớ có quên mình là con nhà làm ruộng,

các cậu chớ có quên mình sau này là một nhà làm ruộng có học-thức có giá-trị.

Ồi ! trong tứ-dân tuy là nhất sĩ nhì nông, nhưng xét kỹ ra thì nghề nông hình như vẫn có phần cốt-thiết hơn cả. Lại có câu «Quốc dĩ nông vi bản» nghĩa là nước nào cũng phải lấy dân làm ruộng ra làm gốc. Xem như thế thì ta đã may mà làm con cái một nghề rất có ích, cả quốc-dân đều chú-mục vào, ta há lại không chăm chỉ và quý báu vào nghề của ta, mà ta nỡ tự-khí tự-khinh, lại đi hy-vọng hào huyền những cái gì ở đâu đâu sao cho phải.

CẢNH-VIÊM

GIẢI NGHĨA. — *Tứ dân* : sĩ, nông, công, thương. — *Cốt thiết* : rất cần. — *Chú mục* : để mắt đến. — *Tự khi tự khinh* : Bỏ đi, chê bai. — *Hy vọng* : mong đợi.

CÂU HỎI — Nói tại sao người có học làm ruộng thì được lợi nhiều. Tại sao biết nghề làm ruộng là nghề gốc nước ta ? -- Những kẻ khinh nghề làm ruộng có lẽ phải không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy giải diên rằng người làm ruộng lương-thiện cũng được sang trọng không kém gì một ông quan.

II. — Hãy nói những sự strong, sự khổ của nhà làm ruộng.

28. — TỜ BẢ CÁO VỀ VIỆC BÌNH NGÔ

Đại-ý — Bình-Định-vương dẹp xong giặc Minh rồi, bèn làm tờ bá-cáo cho thiên-hạ biết.

« Nước Đại-Việt ta thật là một nước văn-hiến ; kể từ Triệu, Đinh, Lý, Trần mấy đời gầy dựng ra nước, so với Hán, Đường Tống, Nguyên mỗi đấng làm đế một phương.

«Mới rồi, chỉ vì họ Hồ cơ-câu, đến nỗi lòng người ta oán. Nhà Minh nhân dịp hờ, thừa thế hại dân ; lủ ác rắp mưu gian, đem lòng bán nước. Kiếm cách lừa dối thiên-hạ, kể nghìn muôn lối gớm ghê. Nhân nghĩa vứt đi hết, thế-giới đến thế thì thôi ! Thuế má vét cho nhiều, núi sông chẳng còn gì cả ! Thần-nhân đều lấy làm giận, trời đất cũng không thể dung.

« Ta đây phát tích từ núi Lam-sơn, ẩn thân ở chỗ hoang-giã. Đau lòng nát ruột, chốc đã mười mấy năm trời, ngậm đắng nuốt cay, nào phải một ngày nay đó ! Đương khi cờ nghĩa mới nổi, chính lúc thế giặc vẫn hăng. Lương chứa Linh-sơn, mấy tuần đã cạn, quân tan Côi-huyện, một đũa chẳng còn. Tự-tập mấy lữ lưu-dân vác cần câu mà đánh giặc ; gấn bó một lòng phụ tử, rót rượu ngọt để khao quân.

« Thành ra : Vì đại-nghĩa mà thắng được hung-tán, lấy chí-nhân mà thay cho cường-bạo ; kẻ kia bỏ tay mà ngồi chịu chết, quân ta không đánh mà giặc phải tan. Bọn tướng giặc đã bị bắt rồi, van lạy xin thương lắm phúc ; bụng hiếu-sinh ta cũng mở rộng, thần-vũ chả giết làm gì Họ đã sợ chết tham sống mà xin cùng ta giảng hòa, ta lấy toàn quân là hơn mà cùng dân yên nghỉ.

(Việt-Nam sử lược)

GIẢI NGHĨA. -- *Thừa thế hại dân* : Nhân dịp làm hại dân. -- *Ẩn thân* : là ở một chỗ kín. -- *Tụ-tập* : là họp tập nhiều người. -- *Phát tích* : là chỗ sinh ra ngài. -- *Hiếu sinh* : là ai cũng muốn sống.

CÂU HỎI. -- Đức Lê-Lợi ngài sinh tại đâu ? Ngài khởi binh đánh giặc Minh từ năm nào ? Ngài đánh mấy năm mới tan quân Minh ? Khi quân Minh đã tan rồi, ngài có giảng dụ cho thiên-hạ điều gì không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Lúc nhà Minh cai trị nước Nam ta thế nào ? So sánh với nước Đại-Pháp bảo-hộ ta bây giờ thì có làm điều gì ích lợi không và những việc gì ?

II. -- Nước ta nội-thuộc nước Tàu trong khoảng bao nhiêu năm ? Các quan Tàu cai trị ta lúc bấy giờ thế nào ? Có ông nào là nhân-từ không ?

29. — CẢNH ĐÈO NGANG

Đại-ý. -- Ngày xưa đi qua Đèo Ngang thật là rất gian-nan nguy-hiểm, nào chèo đèo, xuống dốc, nào sợ cọp, hãi cướp, ngày nay đi xe hơi rất tiện. Cái phong-cảnh thiên-nhiên chỗ này có phần nhuận sắc hơn xưa.

Phong-cảnh ở đây mới thực ngoạn-mục, chẳng khác gì một bức tranh sơn-thủy vậy. Núi Đèo Ngang tức tên chữ là Hoành-sơn. Ta thường dùng nhầm chữ Hoành-sơn mà dịch tên tây Chaine Annamitique là gồm cả cái rây núi dài chạy dọc xuôi đất Trung-kỳ, theo lưu-vực sông Cửu-Long, trên liền với các núi miền thượng-du Bắc-kỳ, dưới đến tận đồng-bằng Lục-tĩnh. Thực Hoành-sơn chỉ là một

chi núi của rầy nhơn ấy, chạy thẳng ra bờ bể, chắn ngang đường thiên-lý tự Bắc vào Kinh, nên gọi là Đèo Ngang. Bài thơ bà huyện Thanh-quan :

Bước tới Đèo Ngang bóng xế là ,

tức là vịnh núi ấy. Ngày xưa khách bộ-hành đi đến đấy tất phải chèo đèo, chèo ngược lên, rồi lại chèo dốc xuống, lấy làm một bức đường rất gian-hiêm. Khi đêm các vị sơn-quân vẫn thường lần quất ở đấy. Ngày nay đã có con đường chạy quanh núi như xoáy tròn ốc, xe hơi đi ước mất hơn nửa giờ, đến lưng chừng núi, trông xuống không cảnh gì xinh bằng. Thực là :

*Dừng chân đứng lại giới non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

PHẠM-QUỲNH (Mười ngày ở Huế)

GIẢI NGHĨA: -- Ngoạn mục : trông rất đẹp mắt. -- Liên tiếp : nối với nhau. -- Gian hiểm : khó nhọc, khổ sở. -- Lần quất : núp ần. -- Sơn-quân : cọp, hổ.

CÂU HỎI. -- Đèo Ngang tên chữ gọi là gì ? Đèo Ngang mà dịch tên tây là Chaîne Annamitique có nhầm không ? Đèo Ngang với Chaîne Annamitique khác nhau thế nào ? Vì lẽ gì ngày xưa đi qua Đèo Ngang phải vất-vả thế ? Ngày nay đi qua đó có thuận tiện không ? Tả cảnh đẹp của Đèo Ngang.

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Về nơi anh ở, chỗ nào là thắng-cảnh nhất. Hãy tả cảnh chỗ ấy ra.

II. -- Tả cảnh phố anh ở tối hôm giăng trong gió mát. -- Anh có thích ở phố ấy không ? Tại làm sao, mà không là do có gì ?

30. — TIỀN BẠC

Dại-ý. — Người cổ thường đem đổi vật này lấy vật kia để dùng. Sự giao đổi vật hóa như thế thật là không tiện, nên khi người khôn lèn đã chế ra tiền bạc cùng giấy ngân-phiếu cho tiện việc buôn bán.

Chúng ta ở đời tiến-bộ này, tưởng tượng đến tình cảnh người cổ sơ, chữa dùng tiền của, chữa biết mua bán, còn đem vật nọ đổi lấy vật kia, bao nhiêu là sự không tiện thời hiểu rằng đặt ra tiền của chính là để bỏ những sự không tiện ấy. Nay hãy kể mấy điều không tiện như sau này :

1. Không hợp ý nhau. — Muốn được giao đổi thời phải hai người đồng ý, thí dụ : ta đem thóc đổi trâu của người kia, tất phải người kia cần thóc mới có thể đổi, nếu người có trâu ấy lại muốn thức khác, mà thức đó ta không sao có, thời đổi không xong.

2. Không có chừng mực. — Phàm khi giao đổi phải biết vật nọ đổi giá với vật kia là chừng nào, nay không có gì làm chừng, thời một con trâu giá mấy con lợn, một con lợn giá mấy thước vải, khó biết thế nào cho thích bình.

3. Không dễ chia cắt. — Phần nhiều hóa-vật, cắt ra thời mất giá đi, thí dụ : người thợ may mang áo đổi thóc, mỗi cái áo giá 5 thùng thóc, nay chỉ cần một thùng, nếu cắt một phần năm áo mà đổi, thời áo đó vứt đi không thể dùng nữa.

Bởi các sự không tiện đó, vậy nên phải đặt ra tiền của.

GIẢI NGHĨA. -- *Tưởng-tượng* : nghĩ thầm trong chi. — *Thích bình* : ngang bằng, đồng giá. — *Hóa vật* : đồ vật.

CÂU HỎI. — Người thương-cổ làm thế nào mà giao đổi hóa vật ? Sự giao đổi hóa vật khi xưa có bất tiện không ? Tiền bạc cùng các giấy tin ngày nay có tiện không, nói tại sao ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Về hình vẽ giá trị thì đồng bạc đồng kẽm khác nhau thế nào ?

II. — Hãy kể những tiền bạc cùng những ngân-phiếu mà anh trông thấy người ta thường dùng.

31. — MỘT CÁCH SỐNG LÂU

Đời người có hạn mà sự-nghiệp vô cùng. Cho nên người ta sống lâu về sự-nghiệp, chớ không sống lâu về tuổi.

Những người có tài có trí không thấy có tóc bạc da mồi, ai cũng tiếc sao không sống lâu ở đời để làm lấy công này nghiệp khác, như thế chẳng những thiệt cho một người, mà cũng thiệt chung xã-hội. Cho nên làm người ở đời cũng nên sớm sớm gắng công lập nghiệp.

Thường tình người ta ai cũng tham sống mà sợ chết, song trọng công-danh khinh sinh tử, lại là ý-khi kẻ làm trai. Nay có người đang sống chín mươi mười vì ham muốn công-danh, lao tâm khổ tứ,

đến nỗi chỉ sống được năm sáu mươi, như thế không gọi là thiệt thòi được, vì mệnh thì yếu mà danh thì thọ.

Vì thế người ta chỉ lo không có sự-nghiệp, để mang tiếng sống thừa ; không lo không được sống lâu, đầu bạc răng long để hưởng cho nhiều miếng ngọt miếng ngon của thế-giới.

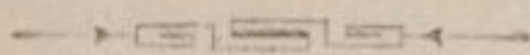
NGUYỄN-BÁ-HỌC

GIẢI NGHĨA. — *Sự nghiệp* : công việc to tát. — *Tài trí* : giỏi giang khôn khéo. — *Gắng công* : cố sức mà làm. — *Lập nghiệp* : làm nên cơ nghiệp. — *Lao tâm* : chịu nghĩ ngợi vất vả.

CÂU HỎI. — Người ta sống lâu về gì ? Tại sao người ta phải sớm sớm gắng công lập nghiệp ? Tại sao người ta lại tham sống mà sợ chết ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Anh có thích sống lâu không ? Tại làm sao ?

II. — Một ông lão nói rằng : « Tôi không phải sống thừa. » Hãy giải nghĩa câu ấy.



32. — THƯ CHO CON

Đại-ý. — *Thư của ông Tăng-Văn-Chính viết khen con đứng đắn và khuyên biết rõ nghĩa làm người.*

Thầy thấy người nhà lại định khen rằng con cử-chỉ đứng đắn, thầy bằng lòng, người ta ai cũng mong con cháu làm quan to, thầy không thích thế, thầy chỉ mong mỗi con cháu làm nên được người quân-tử, biết đọc sách, biết rõ nghĩa đạo làm người.

Tự giữ mực siêng năng tần tiện, tập quen khó nhọc, ở lúc vui cũng thế, ở lúc túng bấn eo hẹp cũng thế, thế là người quân-tử.

Thầy làm quan hơn 20 năm nay, không đảm nhiệm một tí mũi quan nào, ăn mặc cư xử, vẫn giữ thói thanh-bạch, kiệm lắm cũng được, hơi phong cũng được, chứ phong lắm thì thầy không dám.

Phàm những nhà làm quan, bởi tần tiện biến ra xa-xỉ thì rất dễ, bởi xa-xỉ mà giữ lại thói tần tiện thì rất khó. Con tuổi còn nhỏ đừng có ham-mộ xa hoa, đừng có tập quen lười lỉnh, không cứ nhà hơn nhà kém, kẻ học trò, kẻ làm ruộng, người đi buôn, người làm thợ, biết giữ mực siêng năng, tần tiện, khó nhọc, thì thấy khá ngay, lão lêu xa-xỉ, lười lỉnh thì thấy hỏng ngay.

NGUYỄN-HỮU-KHÁ dịch

GIẢI NGHĨA. — *Dính* : là nhà công quan ở. — *Quân-tử* : người đứng đắn tử-tế. — *Nhiệm* : nhuộm, đây nghĩa là tập quen. — *Thanh bạch* : xềnh-xoàng. — *Xa xỉ* : hoang-phi.

CÂU HỎI. — Đọc lá thư này thì biết cụ Tăng-Chính có đức tính gì ? Vì cơ chi mà ông Tăng-Văn-Chính khen con ? Ta có nên tiêu pha xa-xỉ không ? Những người thợ, người làm ruộng, học trò có cần siêng năng tần-tiện không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Anh cần tiền mua sách vở. Anh viết thư về xin thầy u anh. Trong thư ấy anh hứa phải giữ gìn sách vở cẩn thận và học hành chăm chỉ.

II. — Muốn viết thư phải làm thế nào ?

33. — ĐÔI VỚI QUỐC GIA XÃ HỘI

Đại-ý. — Muốn làm hết bốn phận đối với quốc-gia, xã-hội thì khi làm nghề gì phải hết lòng cố sức, thấy ai khốn khổ phải vui lòng cứu giúp.

Đạo nho dạy bảo người có tam cương.

Nặng nhất quân vương, ta nên vẹn nghĩa. Vua là chúa tể, nầy mực cầm cân, cai quản bách thần, vô yền trăm họ. Đối cùng vũ-trụ, vua bậc chí-tôn, của cải nước non, thuộc về vua iắt. Ngọn rau tấc đất, ta đội ơn vua, vậy phải kính thờ, tận trung báo đáp.

Lại ơn Đại-Pháp bảo-hộ nước ta, bình trị giúp vua mở mang dân trí, nông thương kỹ-nghệ, phát đạt thịnh hành, cách-trí vệ-sinh, cứu dân độ thế. Công to như bẻ, tình nặng như non, nghĩa ân phải trọn.

Tài sơ đức mọn, chẳng được cử quan, đem tấm trung can, giải bày lòng đở, thời ta phải giữ pháp-luật thi hành, làm dân hiền lành, vui lo doanh nghiệp ; hiếu trung nghĩa tiết, hòa thuận gia-phong, kể lợi thương công, thanh hoàn thuế lệ.

Bốn phương lặng lẽ, nhà nước mừng vui, mưa móc khắp nơi, tứ-dân cộng hưởng.

Việc chi cao-thượng, chủ-nghĩa ích chung, nhà nước bằng lòng, cho ta giúp đỡ, ta nên theo đó, thánh kính giúp vào, góp với đồng-bào, tỏ lòng tiết nghĩa.

Người ta có thể, nhân đạo mới loàn, được tiếng trung can, được nhời nghĩa khí.

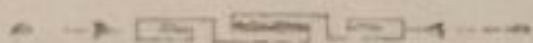
Việt-Nam-Thanh-Niên

GIẢI NGHĨA. — *Tam cương* : ba đạo thường : vua tôi, cha con, vợ chồng. — *Cầm cân nảy mực* : cầm cân phải cho đúng, nảy mực phải cho thẳng ; ý nói ngay thẳng và công bằng. — *Bách thần* : trăm vị thần. — *Vũ-trụ* : trong giới đất. — *Chí-lôn* : rất tôn trọng. — *Tận trung báo đáp* : hết lòng trung để đền ơn vua lộc nước. — *Doanh nghiệp* : sinh cơ lập nghiệp. — *Gia-phong* : thói nhà.

CÂU HỎI. — Ai là chúa tể trong một nước ? Ôn vua những gì ? Nhờ có nước nào mà nước ta được văn-minh tiến hóa ? Muốn báo đáp cái ơn to ấy thì dân ta phải nên thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy nói rằng người chịu khó làm việc là có ích cho xã-hội.

II. — Anh thường nghe nói rằng người lười biếng là người vô ích cho xã-hội. Giải nghĩa câu ấy ra làm sao ?



34. — Ở ĐỜI NGAY THẬT THÌ HƠN

Đại-ý. — Không phải của mình không lấy, thế là ngay thật, mà những người ngay thật vẫn gặp được sự hay sự lành.

La-Luân thừa đăng trình thi hội,
Đường thần kinh qua lối Sơn-đồng,
Theo chân có đưa hễ-đồng,
Của đầu quán-xá được vòng vàng rơi.
Người mất của rụng rời phảng phất,

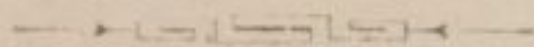
Tra tở thầy khắp mặt ngay gian.
 Mười ngờ oan thực là oan,
 Đưa liều roi vọt, kẻ toan suốt rừng.
 Khi chàng đã tới chừng quán trọ,
 Đưa hề-dồng mới giở vàng ra ;
 Sơn-dòng mấy dặm đường xa,
 Của ai bắt lại đem mà trả ai.
 Sá chi của đánh rơi nhiều ít,
 Tham gì cho hại thiệt người ta !
 Nếu mà ngại dặm đường xa,
 Thi nhà kia mắc oan gia còn gì !
 Lòng trời tựa đến khi đình-đối,
 Tền bằng vàng chơi chơi mây xanh.
 Cho hay những kẻ làm lành,
 Bao giờ cũng được hiển vinh hơn người.

(Ấm chất giải âm)

GIẢI NGHĨA. -- *Thi hội* : là vào kinh mà thi. -- *Thần-kinh* : chỗ vua ở. -- *Hề-dồng* : là đưa theo hầu. -- *Xá chi* : không tưởng, không thêm. -- *Đình đối* : vào thi ở sân nhà vua.

CÂU HỎI. -- La-Luân là người thế nào ? Sao trời lại phù hộ La-Luân ? Đưa hề-dồng được vật gì ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Kể một tên học trò ngay thật.
 II. — Có nên tham của bất-nghĩa không ? Tại làm sao ?



35. — TRINH-NỮ ANH-HÙNG

Đại-ý. -- Trong khoảng ngót nghìn năm. Năm 248, ở quận Cửu-Chân bà Triệu-Âu cùng anh khởi binh đánh

quân Ngô. Bà rất can đảm, có sức mạnh và có mưu lược. Bà dẹp yên giặc, thật có công với nước ta lắm.

Sử ta chép rằng bà Triệu-Âu là người ở huyện Nòng-Cống (Thanh-Hoá) bây giờ. Thừa nhỏ, cha mẹ mất cả, ở với anh là Triệu-Quốc-Đạt, đến độ 20 tuổi, gặp phải người chị dâu ác nghiệt, bà ấy giết đi rồi vào ở trong núi. Bà ấy là một người có sức mạnh, lại có chí khí và lắm mưu-lược. Khi vào ở trong núi, chiêu mộ hơn một nghìn tráng-sĩ để làm thủ-hạ. Anh thấy thế mới can bà ấy, thì bà ấy bảo rằng : « Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng-kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đăm đuổi, chứ không thêm bắt-chước người đời cũi đầu công-lung để làm ti-thiếp người ta ! »

Năm 248 vì quan lại nhà Ngô tàn ác, dân gian khổ sở, Triệu-Quốc-Đạt mới khởi binh đánh quận Cửu-Chàn. Bà ấy đem quân ra đánh giúp anh, quân sĩ của Triệu-Quốc-Đạt thấy bà ấy làm tướng có can đảm, bền tồn lên làm chủ. Khi bà ấy ra trận thì cưỡi voi và mặc áo giáp vàng xưng là Nhụy-Kiều tướng-quân.

Thứ-sử Giao-châu là Lục-Dận đem quân đi đánh, bà ấy chống nhau với quân nhà Ngô được năm sáu tháng. Nhưng vì quân ít thế cò, đánh mãi phải thua, bà ấy đem quân chạy đến xã Bồ-Điền (nay là xã Phú-Điền, thuộc huyện Mỹ-Hóa) thì tự-tử.

Về sau vua Nam-đế nhà Tiền-Ly (Ly-Bôn), khen là người trung dũng sai lập miếu thờ, phong là : « Bật-chính anh-liệt hùng-tái trình-nhất phu-nhân. »

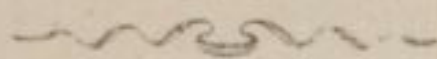
TRẦN-TRỌNG-KIM

GIẢI NGHĨA. — *Chi-khi* : chí vững bền để định làm một việc gì. -- *Thủ-hạ* : đưa đây tờ nó hầu cận mình, đưa đây tờ tay trong của mình. -- *Tì-thiếp* : là một nàng hầu. -- *Thế-có* : ít ỏi, không được nhiều. -- *Trung dũng* : có lòng yêu nước, chống cự với quân nghịch để cứu nước.

CÂU HỎI. -- Sao thừa nhỏ bà Triệu-Âu lại ở với anh? Tính khi bà thế nào? Sao bà lại vào ở trong núi? Khi anh bà khuyên bà thì bà giả lời thế nào? Bà đánh quân Ngô được hay thua? Bây giờ ở đâu có đền thờ bà?

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Có người dân bà nào nước ta tính khi cũng như bà Triệu-Âu không? Anh nói qua lịch sử người ấy xem:

II. — Làng anh có một người dân bà rất can-dảm. Người ấy đã làm những việc gì? Người ấy có đáng khen không? Tại làm sao?



36. — ĐƯỜNG PHỐ VÀO PHỦ TOÀN QUYỀN

Đại-ý. — Saigon là một nơi đô-hội xầm-uất phồn thịnh nhất Đông-pháp này. Ở đây những đường sửa sang đẹp đẽ, những lâu đài, nhà cửa nguy-nga to tát, nên người ta thường gọi Saigon là cái hạt châu của Á-dông.

Đường phố như vẽ bằng tay, kẻ bằng thước, đều đặn, thẳng thắn, rộng rãi khang trang, nhiều đường

ở giữa lại để những khoảng rộng trống cỏ, đặt những tượng đồng kỷ-niệm, chiều đến hàng trăm cái đèn điện lớn chiếu sáng như một giấy dài quả bóng lấp loáng thả phấp phới ngay trên giữa đường phố, coi rất là ngoạn-mục. Đẹp nhất, coi trang-nghiêm nhất là con đường đi thẳng vào phủ Toàn-quyền (người Saigon thường gọi là toà chánh-soái). Hai bên có hai khu vườn trồng những cây lớn, tối trông như đám rừng nhỏ ở giữa một con đường rộng chạy thẳng bằng tự đầu tỉnh đằng kia cho tới ngang cửa phủ, coi thật có bề thế, có vẻ tôn-nghiêm xứng đáng với một nơi tương-phủ. Mà phủ Toàn-quyền ở đây qui-mô cũng đẹp hơn ở Hanoi. Phủ Toàn-quyền Hanoi tựa hồ như một đồng gạch xếp vuông trông có vững vàng bền chặt, mà nặng nề biết bao nhiêu; ở Saigon thì hình như chữ đinh 丁 nét ngang là chính dinh, nét sổ dưới là các tư tào.

PHẠM-QUỲNH

(Một tháng ở Nam-kỳ)

GIẢI NGHĨA. — *Khang trang* : rộng rãi đẹp đẽ. — *Tượng đồng kỷ-niệm* : là những pho tượng dựng lên để ghi nhớ những người có công đức cho dân. — *Tương-phủ* : dinh các quan to, nhưng đây là dinh quan Toàn-quyền. — *Qui-mô* : là mẫu mực. — *Tư tào* : phòng giấy của các quan dưới.

CÂU HỎI. — Đường phố Saigon có đẹp không ? Đường nào đẹp nhất ? Phủ Toàn-quyền Saigon với phủ Toàn-quyền Hanoi khác nhau thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN — I. Tả cảnh dinh quan Công-sứ tỉnh anh ở.

II. — Ở nơi anh ở lâu dài nào đẹp nhất. Hãy tả cảnh lâu dài ấy.

37. — **ĐIỀU ƯỚC CAO THƯỢNG**

Đại-ý. — *Mong cho đồng-bào chúng bước lên đường văn-minh tiến hóa cho theo kịp bằng người mới là ước ao cao-thượng.*

Tôi xin ước ao rằng những người có chí trong nước ta, những khi đêm khuya thanh vắng, một bóng một mình, ngồi mà ngẫm-nghi đến hậu-vận nước nhà, đến giống nòi Hồng Lạc, cũng nên khởi bồ-đề tâm, phát bồ-đề nguyện, tự mình thề với mình rằng: « Hễ bao giờ đất Việt-Nam còn có một người dân ngu-si dốt nát, cực khổ lắm than, thời ta đây dầu thông-minh sáng suốt, phú quý giàu sang đến đâu đi nữa, cũng chưa lấy thế làm mãn-nguyện, ta muốn đem chút tài hèn trí mọn mà diu dắt cho đồng-bào ta chúng bước lên đường văn-minh tiến hóa cho kịp bằng người.»

(Phật-giáo đại quan)

PHẠM-QUỲNH

GIẢI NGHĨA. -- *Ước ao* : mong mỏi. — *Khởi bồ-đề tâm phát bồ-đề nguyện* : tiếng nhà Phật chỉ nghĩa là có lòng tốt. -- *Lắm than* : khổ sở, làm ăn khó nhọc. -- *Mãn nguyện* : đủ thích.

CÂU HỎI. — Anh thấy điều ước-ao trên kia thế nào ? Những người chỉ biết sung sướng lấy mình còn sống chết mặc ai có đáng cho người ta khinh không ? Hãy nói tại làm sao.

BÀI TẬP LÀM VĂN -- I. Vì bằng anh có phép tiên thì anh ước cho nước những điều gì.

II. — Vì bằng có tiên cho phép anh ước ba điều thì anh ước những điều gì.

38. — **CHUYỆN ÔNG TRƯƠNG-CÔNG-NGHỆ**

Đại-ý. — Cùng một cha mẹ sinh ra, anh em và chị em là thân cận lắm. Vậy anh em chị em, dầu kẻ sang, người hèn, cũng nên âu yếm nhau và hòa thuận với nhau luôn. Chẳng gì vui vẻ bằng trong một nhà mà kẻ trên người dưới đều yêu mến nhau và quây quần với nhau.

Ở đời nhà Đường có ông Trương-Công-Nghệ, anh em, họ hàng cả thầy hơn hai trăm người cùng ở chung với nhau một nhà, mà không có ai tranh dành ghen ghét gì nhau.

Khi ấy tiếng đồn khen lừng trong nước và đồn đến cả kinh-dò.

Một hôm vua Cao-Tồn ngự giá lại nhà ông Trương-Công-Nghệ và hỏi rằng : « Người làm thế nào mà tất cả anh em, con cháu cùng ăn ở với nhau được hòa thuận như thế ? »

Ông ta tâu rằng : « Chúng tôi chỉ biết chăm sự nhường nhịn nhau mà thôi. »

Vua mới ban cho một quả lê để thử xem thế nào. Ông ta lĩnh lấy quả lê, bỏ vào một cái nồi đầy nước mà ninh thật chín. Rồi chia cho cả nhà, mỗi người một chén nước, như thế thì ai ai cũng được hưởng lộc vua.

Vua khen ông ta khéo ăn ở và ban cho của cải nhiều lắm.

ĐÔ-THẬN
(Ấu-học luân-lý)

GIẢI NGHĨA. — *Tranh dành*: tranh nhau, ai ai cũng muốn lấy lợi hơn, thời hay sinh ra lời thôi, bất bình. — *Ghen ghét*: tính xấu thấy người ta hơn mình thì không bằng lòng, sinh ra tức với người ta, chỉ muốn cho người ta hại. — *Tiếng đồn*: tiếng truyền đi. — *Ngự giá*: nói về khi vua đi. Ngự giá là kiệu vua. — *Ninh*: lược lâu, thật chín rừ.

CÂU HỎI. — Ông Trương-Công-Nghệ ở về đời nào? Nhà ông ấy thế nào? Sao được hòa-thuận như thế? Vua ban cho quả lê thì ông ấy làm thế nào?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Đạo anh em chị em trong một nhà phải ăn ở thế nào?

II. — Hai anh em tên Mỗ đánh nhau. Anh vào can. Anh khuyên bảo họ thế nào, hãy kể ra.



39. — NGUYỄN-TRẢI VÌ CHA BÁO THÙ.

Đại-ý. — Nguyễn-Trãi là một người con đại-hiếu, đáng làm gương cho cả mọi người. Cuối đời nhà Hồ, thân-phụ ông bị quân Tàu bắt giải về Kim-Lăng. Ông được nhờ cha dặn, quyết chí báo thù, hết sức giúp vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa, vì cha rửa được thù cũ, vì nước khôi phục được giang-sơn. Thật là một bậc trung hiếu vẹn tuyền vậy.

Ông người ở làng Nhị-kê tỉnh Hà-dòng là con ông bằng-nhờn Nguyễn-Phi-Khanh.

Cuối đời nhà Hồ người Tàu sang chiếm giữ nước ta, bắt con cháu và các quan nhà Hồ đem giải về Bắc-Kinh. Ông Nguyễn-Phi-Khanh cũng vào trong số ấy. Bấy giờ ông Nguyễn-Trãi phần thi thương

cha già dầu bạc phải lưu lạc chốn quê người dất khách, phần thi thương dân sự lâm than, đau lòng những nỗi nước phá nhà tan. Ông quyến-luyến theo cha khóc mãi đến Nam-quan, không chịu trở về. Ông Phi-Khanh ngoảnh lại bảo rằng: « Con nên trở về nhà nghĩ cách báo thù cho cha, rửa nhục cho nước. Thế mới là người tận trung tận hiếu, chứ đi theo khóc lóc mà làm gì ? »

Từ đó ông trở về, ngày đêm quyết chí phục thù, nhất tâm đem tài ra dẹp loạn yên dân. Ông vào giúp vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa ở núi Lam-sơn. Bầy mưu lập kế đánh hơn 20 trận với quân Tàu, chém được Liễu-Thăng, bắt sống được bọn Hoàng-Phúc, mới rửa được thù cho cha ; bình Ngô đại-cáo trong thiên-hạ, khôi phục được giang-sơn nước nhà.

Ông thật là một người tận trung hiếu với quân phụ, hết nghĩa-vụ với đồng-bào, thật là một cái tiếng thơm trong lịch-sử và cái gương sáng cho người đời.

NGUYỄN-TRỌNG-HÀN

GIẢI NGHĨA. — *Bảng-nhờn* : người đồ thứ hai trong bảng thi tiến-sĩ. — *Kim-Lăng* : kinh-dô nước Tàu, bây giờ gọi là Nam-kinh. — *Quyến-luyến* : tình yêu mến ai, không muốn rời xa. — *Nam-quan* : cửa ải, giáp giới nước Tàu với nước ta. — *Liễu-Thăng, Hoàng-Phúc* đều là các tướng Tàu sang đánh nước ta. — *Bình Ngô đại-cáo* : dẹp được giặc Tàu báo tin thắng trận khắp trong thiên-hạ.

CÂU HỎI. — Bài này chia làm mấy đoạn, trong mỗi đoạn nói những gì ? Vì sao ông Nguyễn-Trãi quyết chỉ

duyệt Minh ? Sau vua Lê Thái-Tổ khôi phục được giang sơn, công ấy ai giúp mà thành ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Bỏn phân ta đối với cha mẹ phải thế nào ? Các anh hãy kể một vài chuyện để làm thí dụ.

II. — Người xưa có câu nói rằng : « Người có hiếu mới nên thân. Trung quân ái quốc đều nhân bụng này. » Các anh hãy cắt nghĩa xem và tìm vài chuyện thí-dụ để chứng minh câu ấy.

40.— ANH TÔI

Đại-ý. — Khi cha già thì anh nhón trong nhà 'o liệu để nuôi cả nhà, nên người em bé kính trọng anh như là cha, thực là đáng lắm.

Cha tôi nay đã già rồi,
 Anh tôi làm việc để nuôi cả nhà.
 Anh tôi nuôi mẹ nuôi cha,
 Nuôi con em bé cùng là nuôi tôi,
 Cho tôi đi học đi chơi,
 Lại mong tôi được nên người nọ kia.
 Nên tôi kính trọng yêu vì,
 Anh tôi thật chẳng khác gì cha tôi.

BÙI-HUY-CƯỜNG

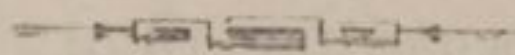
CẮT NGHĨA. — Nên người nọ kia : nên người giỏi giang. — Yêu vì : yêu mến và vì nề.

CÂU HỎI. — Tại sao khi cha mẹ già thì người anh phải làm việc để nuôi cả nhà ? Người anh lại mong cho em

được thế nào ? Bồn phận các em đối với anh phải thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Hãy kể những bồn-phận anh em trong nhà đối đãi với nhau.

II. — Kể chuyện một người em biết kính trọng anh.



41. — LÊ-QUỲNH KHÔNG CHỊU CẮT TÓC THEO NGƯỜI TÀU.

Đại-ý. — Ông Lê-Quỳnh theo vua Lê Mẫn-đế sang cầu cứu bên Tàu. Quan Tàu nhiều lần dỗ ông cắt tóc để bím theo lối người Tàu. Nhưng ông khẳng khái nhất định không theo, đến sau, khi ông về nước vẫn giữ được tóc dài. Trong mấy mươi năm, trước sau một tiết, vì vua hết đạo, vì nước quên thân, dầu lưu lạc nước người, vẫn giữ một dạ trung trinh ; dầu bị nhiều lần giam cầm, vẫn kháng kháng một mực, không chịu hề dưới sam. Ông thật là một bậc trung-thần nghĩa-sĩ đáng làm gương vậy.

Ông Lê-Quỳnh theo vua Lê Mẫn-đế tránh loạn chạy sang cầu cứu vua Tàu (bấy giờ nhà Thanh). Các quan Tàu không muốn giúp vua Lê, mới dỗ ngài cùng các quan theo hầu cắt tóc để bím, theo như lối người Tàu. Duy ông Lê-Quỳnh biết là mưu gian, khẳng khái không nghe, giả nhời rằng : « Đầu có thể chặt được, nhưng tóc không thể cắt được ».

Từ khi ông phải giải đến Yên-kinh, nước Tàu lấy cái tội ông không chịu cắt tóc là vi mệnh, phải giam cầm ở Thận-hình-ty luôn, không khi nào

được gặp vua Lê cùng các người tông-vong. Có mấy lần quan nước Tàu sai ông Đinh-Nhã-Hành ông Nguyễn-Quốc-Đổng đến Thận-hình-ty dụ ông phải cắt tóc, hai ông đều bảo ông Lê-Quýnh rằng: « Chúng tôi đã bị người ta lừa mà cắt mất tóc rồi, không biết làm sao mà còn lại được, ông thực là một người toàn tiết, xin ông cứ giữ như vậy ».

Ông Lê-Quýnh bảo lại rằng : « Tôi xin cảm tạ lời khuyên của các ái-hữu, vì cảnh-ngộ mỗi người mỗi khác, nếu ai ai cũng giữ như tôi thì lấy ai mà đi theo vua, nếu ai ai cũng làm như các ông thì lấy ai mà cùng người Tàu tranh một chút khí-tiết, để cho người ta biết nhân-vật của nước nhà. Thôi ai ai cũng nên hết sức làm cho xứng cái trách-nhiệm của mình, các ông xin chớ lấy sự ấy làm ngại ».

Đến sau vua Gia-Khánh tha cho ông ra ở ngoài, vua Gia-Long đã lấy được cả nước Nam, bèn cho đưa linh-cữu cố-quân về, ông được toàn đầu tóc mà về nước, xem như ông bị hoạn-nạn mười mấy năm, trước sau một tiết, những lời khảng khái, ông cùng các quan Tàu nói, ai nghe cũng phải kính phục. Ôi ! Cuộc đời Lê có những bậc trung-nghĩa như thế, vẻ vang cho lịch-sử nước ta biết bao nhiêu, quốc-dân cũng nên nhớ đến những lịch-sử ấy mới phải.

SỞ-CUÔNG

GIẢI-NGHĨA. — Cầu cứu: xin quân về cứu. — Yên-kinh: kinh-dò nước Tàu tức là Bắc-kinh bây giờ. — Vi-mệnh:

tội trái lệnh người trên. — *Thận-hình-ty* : ngục nhà Thanh để giam những quan có tội. — *Tòng-vong* : những người theo vua khi đi tránh loạn. — *Đình-Nhã-Hành, Nguyễn-Quốc-Đổng* : đều là những người Annam theo vua Lê sang cầu cứu bên Tàu. — *Toàn-tiết* : lòng mình định thế nào mà mình giữ được thế. — *Ái-hữu* : bạn yêu của mình. — *Cảnh-ngộ* : bước, nước mình gặp. — *Khi-tiết* : *khi* : tính háng hái không bị sức ngoài khuất phục được. *tiết* : tính cố giữ các điều mình đã định dù gặp cảnh ngộ nào cũng không đổi. — *Nhân-vật* : người có giá trị trong một nước. — *Trách-nhiệm* : Việc gì đã nhận làm với ai, nhất định làm cho kỳ được. — *Gia-Khánh* : vua nước Tàu đời nhà Thanh. — *Linh-cửu* : quan-tài. — *Cổ-quân* : ông vua cũ, tức vua Lê Mẫn-đế.

CÂU HỎI. — Người Tàu dỗ ông Lê-Quỳnh cắt tóc để bím, thì ông ấy giả nhời họ thế nào? Ông Đình-Nhã-Hành ông Nguyễn-quốc-Đổng muốn dỗ ông cắt tóc lại bảo ông như thế là ý thế nào? Câu ông giả nhời có chính đáng không? Các anh đọc bài này thì các anh nghĩ ra làm sao?

BÀI TẬP LÀM VĂN. I. Vì cớ gì mà ông Lê-Quỳnh không chịu cắt tóc để bím theo người Tàu. Ông giả nhời với các quan Tàu lại viện nhẽ rằng : « Thân thể tóc da, đều nhận của cha mẹ sinh ra, không dám hủy hoại. » Có phải thực ý ông không? Các anh nghĩ thế nào?

II. — Các anh thường xem sách thấy ảnh người Tàu ở giữa thành phố Paris vẫn đeo bím mặc quần áo Tàu, các anh thử nghĩ cách phục-sức như thế có được hợp thời không? Và cách bảo-tồn quốc-túy như thế có chính đáng không?

42. — XIÊM-THÀNH CHÂN-LẠP BỊ NỘI THUỘC NƯỚC TA

Đại-ý. — Nước ta tuy có lắm đoạn nguy-nan, nhưng cũng có biết bao nhiêu đoạn rục-rờ hiền-hách ; hễ đọc đến lòng ta phần khởi vô cùng, nhất là vào hồi Xiêm-Thành, Chân-Lạp thần phục nước ta.

Nước ta từ thừa vua Triệu-Đà dựng nước thì đất Nam-hải, đất Quế-lâm, đất Tượng-quận, đã là hợp làm một nước bờ cõi thực là rộng rãi.

Từ khi phải nhà Hán kiêm tính, chia làm chín quận ; nhà Ngô lại chia làm Quảng-châu với Giao-châu.

Đến đời vua Đinh Tiên-hoàng dựng nước thì nước ta chỉ còn đất Giao-châu, đất Cửu-chân, tức là đất Bắc-kỳ cùng là đất Thanh-Hóa đất Nghệ-An đất Hà-Tĩnh vậy.

Bờ cõi hẹp nhỏ như thế, nếu mà không mở mang ra thì không nên ra được một nước nhớn.

Mà xem lại nước ta, phía bắc thì giáp với nước Tàu là một nước to nhớn, dầu rằng ở trong có tự-chủ được nữa, ở ngoài cũng phải giữ sự phục-túng. Thế thì nước ta chỉ được mở mang về phía nam mà thôi. Mà giáp phía nam, nước ta là nước Xiêm-Thành, giáp nước Xiêm-Thành là nước Chân-Lạp.

Xét ra nước Xiêm-Thành riêng ra một nước là đời vua Hòa-đế nhà Hán, theo lịch tây là năm 103,

Mà nước Chân-Lạp lại là triều cống nhà Đường, là đời vua Tuyên-Tôn, theo lịch tây là năm 858.

Còn nước ta tự-chủ được mới từ đời vua Đinh Tiên-hoàng lịch tây là năm 973.

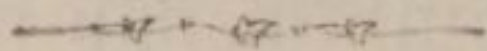
Thế thì hai nước ấy vườn đã trước nước ta mà tự-chủ vậy.

Tuy thế hai nước ấy dầu có tự-chủ được trước mà không có học hành, vườn còn mọi rợ. Nước ta dầu có tự-chủ về sau, mà học hành càng ngày càng tấn, cũng đã theo sự văn-minh nước Tàu. Lấy loài văn minh mà hóa loài mọi rợ, tưởng cũng là nhẹ giới phải nên làm như thế.

HOÀNG-CAO-KHAI

GIẢI NGHĨA. -- *Bờ cõi* : giới hạn địa phận một nước. -- *Kiểm tinh* : gồm lẩn. -- *Tự-chủ* : tự mình làm chủ lấy. -- *Triều cống* : vào hầu và dâng các lễ vật. -- *Mọi rợ* : Ngu xuẩn như dân mọi rợ.

CÂU HỎI. -- Triệu-Đà làm quan đời vua nào bên Tàu ? Sang nước ta làm gì ? Đến đời vua nào nước ta được tự-chủ ? -- Kể công nghiệp vua Đinh Tiên-hoàng ? Kể những nước thần phục nước ta về đời vua Đinh Tiên-hoàng ?



43. —BÚT CHỈ VÀ MIẾNG TÂY

Đại-ý. -- *Ta phải chọn bạn mà chơi, chơi với người hay thì mình cũng nên hay cho nên có câu : cận lan giả hương ; nghĩa là gần hoa lan thì thơm.*

Gặp khi chủ vắng ngồi bàn giấy ;

Bút chì ta gọi tẩy mắng rằng :

« Anh kia độc ác quá chừng !

« Chẳng thương đến kẻ mỏi lưng suốt ngày.

« Suốt ngày vẽ, tôi đây vất vả,

« Được nét nào anh sủa phăng đi,

« Anh chơi khăm thế ích gì !

« Hao công, tổn của cũng vì tay anh. »

Tẩy nghe nói cũng nhanh miệng đáp :

« Thực lòng tôi chẳng ác cùng ai !

« Tôi mà chữa hộ anh hoại,

« Là mong anh được thành tài đo thời !

« Anh còn hồng thời tôi sủa mãi,

« Sủa cho anh về lại hay hơn.

« Mà nay những giận cùng hờn....

« Làm ơn nèn oán, còn ơn huệ gì ! »

Nghe nói thế, bút chì nghĩ lại,

Biết mình sai, người phải mười mười.

Hé môi sẽ nói ra lời :

« Nhờ anh tôi hoá nên người tài năng ! »

(Trích ở *Gương thế-sự*)

GIẢI NGHĨA. — *Vất vả* : làm việc khó nhọc. -- *Sủa* : bỏ đi. -- *Hao công* : mất công toi. -- *Hoài* : luôn luôn. -- *Thành tài* : là nên người có tài giỏi.

CÂU HỎI. -- Bút chì nói gì ? Tẩy đáp lại thế nào ? Sao bút chì lại cảm ơn miếng tẩy ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Sao phải chọn bạn ? Thế nào là ích hữu ? (bạn tốt có ích cho mình).

II. — Giải nghĩa câu gần mực thì đen, gần đèn thì sáng và kể thí dụ ra.

44. — ÔNG NGUYỄN-VĂN-HIỆU

Đại-ý. — Ông Nguyễn-Văn-Hiệu người ở Nam-kỳ, làm quan đời vua Gia-long rất là thanh-liêm, không lấy gì của ai bao giờ. Ông làm quan to mà nhà rất nghèo. Ông tính khí thật thà mà lại chăm việc. Đối với người rất là khoan hòa dễ dãi. Thật là một ông quan giỏi và liêm, xưa nay ít có.

Ông Nguyễn-Văn-Hiệu người trong Nam-kỳ, thuở nhỏ nhà nghèo, đi làm mướn cắt cỏ để kiếm ăn.

Sau theo ông Võ-Tánh ra giúp vua Gia-long đi đánh giặc, lập được nhiều công to, được phong làm tướng. Khi đánh dẹp yên rồi, vua sai ông ra trấn các tỉnh ở Bắc-kỳ.

Ông làm quan rất là thanh-liêm, không lấy gì của ai bao giờ. Ông lại nghiêm cấm những người môn-hạ, không cho giao-thông với người ngoài. Mồng năm ngày tết, ai cho gì ông cũng không lấy. Nền làm quan to mà nhà vẫn nghèo, lương bổng chỉ đủ ăn, chớ không thừa chút nào.

Bà vợ thường hay phàn nàn vì sự nghèo khổ. Ông cười mà bảo rằng: «Bà không nhớ khi ta đi cắt cỏ thuê, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc hay sao? Nay được thế này còn đòi chi nữa. Bà lại muốn lấy của phi-nghĩa để làm giàu ru!» Từ đó bà vợ không dám nói gì nữa.

Ông tính khí thật thà, đối với mọi người rất khoan hòa dễ dãi. Làm quan trải khắp mọi nơi mà

chỗ nào cũng đề tiếng tốt là một ông quan giỏi và thanh-liêm, xưa nay ít có.

Trích trong Học-báo

GIẢI NGHĨA. — *Thanh-liêm* : không lấy tiền của ai. *Môn-hạ* : những người tôi tớ trong nhà. — *Phi-nghĩa* : trái với nghĩa phải. — *Khoan hòa* : khoan dung hòa nhã.

CÂU HỎI. — Ông Nguyễn-Văn-Hiếu người ở đâu ? Khi còn ở nhà thế nào ? Khi ông làm quan thế nào ? Người làm quan có nên lấy ông làm gương không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Giải nghĩa câu : có chí làm quan, và đặt một chuyện thí dụ cho đúng nghĩa câu ấy.

II. — Bồn phận người làm quan đối với dân mình cai trị thì phải thế nào ?



45. — MỘT BẠC DANH HIỀN

Đại-ý — Cụ Chu-Văn-An người làng Quang-liệt, huyện Thanh-tri, tỉnh Hà-dông, tính ngay thẳng mà khảng khái, cho nên làm quan thấy những việc ngang tai, giữa mắt không chịu được, nên tìm nơi an nhàn, vui vẻ cùng non sông. Nếu cứ theo tục đời mà nhắm mắt đưa qua thì làm gì chẳng quyền thế lừng lẫy. Nhưng sự đó đối với bạc danh hiên là không chính đáng.

Cụ Chu-Văn-An đỗ tiến-sĩ đời nhà Trần, tính ngay thẳng, không ham đường danh lợi, thích tỏ đạo thánh-nhân mà triệt mối dị-doan.

Cụ mở trường ở làng để dạy học trò. Số học-sinh đến học tập cũng đông lắm mà nhiều người làm nên hiên đạt.

Nhưng dầu làm đến tể-tướng mà vẫn phải giữ lễ phép như khi còn học, khi đến thăm đều phải hầu dưới đất.

Học trò hễ ai phạm điều gì không phải thì cụ liền quở phạt ngay.

Vua nhà Trần khi ấy là Minh-Tôn nghe thấy cụ là bậc đạo học mô-phạm, vời vào làm Quốc-tử-giám tư-nghiệp để dạy thái-tử học. Cụ tính cương-trực, nên thấy bọn quyền-thần kiêu ngạo, cụ dảng sờ xin chém 7 người gian nịnh, không được, nên cụ cỡi mũ áo giả chức quan xin về.

Khi tri-sĩ thi cụ chỉ ngâm thơ uống rượu, tìm nơi phong-cảnh lạ, vui vẻ cùng núi non. Vua muốn dùng cụ làm tướng, nhưng cụ nhất định không làm quan nữa.

GIẢI NGHĨA. *Triệt* : làm cho mất đi. — *Dị-doan* : tin nhầm. — *Đạo học mô-phạm* : học rộng biết nhiều. — *Thái-tử* : con vua. — *Quyền-thần* : ông quan có thần thế, quyền hành. — *Tri sĩ* : thôi không làm quan nữa.

CÂU HỎI. — Cụ Chu-Văn-An có ham đường danh lợi không? Cụ mở trường ở đâu? Học trò cụ có làm nên không? Khi học trò đến chơi thi cụ sử thế nào? mà học trò sử thế nào? Sau cụ làm gì?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Kể tình hạnh cụ Chu-Văn-An và nói cụ cư sử đối với học trò thế nào? Như vậy thì anh cho là hay hay là dở, nói ra.

II. — Kể tình hạnh cụ Chu-Văn-An và nói cụ cư sử với những người gian nịnh thế nào? Như vậy thì anh cho là hay hay dở nói ra.

46. — CÂY GẠO

Đại-ý. — Cây gạo là một thứ cây to, hoa to và đỏ, quả gạo có bông, thường dùng làm đệm, gỗ thì nhẹ, có thể giã làm giấy được, cũng là một cây rất có ích.

Cây bông gạo vừa to, vừa cao, có cây chu-vi được đến non một thước tây, và chiều cao được đến mười hai mười ba thước.

Cây gạo chỉ có ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, thường hay mọc ở gần đình, chùa, chợ búa và các vệ đường. Độ khoảng tháng hai tháng ba ta, lá chưa mọc mấy đã thấy hoa nở đỏ chót, coi cũng đẹp lắm. Các hoa ấy giả thì trong có bông. Lâu nay người ta thường dùng bông ấy để nhồi gối và nhồi đệm. Nay người ta cũng đánh được thành sợi để dệt.

Gỗ cây gạo thì xốp và nhẹ, cũng có thể giã nhỏ để làm giấy được.

GIẢI NGHĨA. — *Chu-vi* : vòng tròn xung quanh thân cây — *Vệ đường* : hai bên mé đường.

CÂU HỎI. — Cây gạo cao to thế nào? Hay mọc ở đâu? Bông gạo thường dùng làm gì? Gỗ gạo có dùng làm gì được không?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Tả một cây gạo ở đình làng anh.

II. — Bắc-Kỳ thì tỉnh nào giống nhiều cây bông? Cây bông thế nào? Bông dùng làm gì? Bông ấy khác bông gạo thế nào?

47. — MUỐI

Đại-ý. — Muối là một giống bọ hay đốt người ta. Làm cho ta sinh ra lở ghẻ và sốt rét. Vậy ta phải biết cách để trừ cho hết muối.

Mùa nực đã đến, muối sinh ra rất nhiều. Muối đốt người ta, không những làm cho đau ngứa mà thôi, các ông thầy thuốc Tây đã xét ra muối là một giống bọ có thể truyền những trùng bệnh sốt rét ngả nước, mà làm cho ta sinh bệnh sốt rét được. Nèn ta phải cố tìm cách mà trừ hết muối đi.

Người Nam ta khi trong nhà có nhiều muối, thường hay dùng vọt mà vọt, hoặc lấy mo mà đốt, có khi lấy lá lau lá mía mà đập, hoặc quạt muối ra khỏi cửa, rồi đóng cửa lại. Các cách ấy đều không trừ hết muối cả.

Ta nên biết chừng muối để dưới nước, thành ra bọ gậy, bọ gậy già hóa ra muối. Nèn những nơi gần đầm, ao, chuôm, hồ và những vùng nước tù-hầm thường có nhiều muối. Nếu muốn trừ muối thì nèn lấy dầu tây đổ vào chỗ nước sẵn bọ gậy, hay lấp hẳn những chỗ nước ấy đi, thì mới có thể trừ hết được muối.

GIẢI NGHĨA. -- *Truyền* : đem bệnh của người này gieo cho người nọ. — *Trùng* : con sâu. — *Tù hầm* : nước không chảy.

CÂU HỎI. — Muối hay có nhiều về mùa nào ? Muối đốt thì sinh ra thể nào ? Người ta hay dùng cách gì để trừ

muối ? Muối ở đâu mà sinh ra ? Muối trừ thì nên làm thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Muối có làm hại gì cho người ta không ? Muốn cho nhà không có muối thì phải làm thế nào ?

II. — Ở các phố ta thường có lăm muối là vì lẽ gì ? Vậy ở phố thì nên phòng giữ thế nào ?

48. — CHUỘT BẠCH VÀ CHUỘT CHỦ

Đại-ý. — *An ở sạch sẽ được mạnh khỏe và tự trọng lấy mình ; vậy ta phải ăn ở sạch sẽ.*

Nhân hôm ấy chủ nhà đi vắng,
 Chị chuột chủ thủng thủng bước ra.
 Bò quanh bò quần khắp nhà,
 Đi tìm chuột bạch để mà chuyện chơi.
 Tìm mãi mãi đến nơi bạch ở ;
 Mới hỏi rằng : « Tại cứ làm sao ? »
 « Người ta chỉ ghét riêng tao,
 « Mà mấy người quý đẽ vào trong cung ?
 « Dầu nói khác nhưng cùng một giống,
 « Sao người khinh kẻ trọng khác nhau ? »
 Bạch nghe đáp lại mấy câu,
 Gọi là giải tấm lòng sầu cho ai :
 « Tôi sở dĩ mà người yêu quý,
 « Là vì tôi sạch sẽ thơm tho.
 « Khi tôi nô dờn chơi đùa,
 « Chỉ tìm những cách vui cho cả nhà.

« Cò sở dĩ người ta ghét bỏ,
 « Là vì cò ăn sỏ mọ niều.
 « Ở ăn bần thiú đến điều,
 « Hòi như tổ cú người yêu nòi gì ! »

(*Gương hể-sự*)

GIẢI NGHĨA. — *Chuột chủ* : thứ chuột hòi hám xấu xa. — *Chuột bạch* : loài chuột lông trắng. — *Thủng thỉnh* : là đi thông thả. — *Trong cung* : nơi kin đáo lịch sự.

CÂU HỎI. — Chuột bạch ở đâu ? Chuột chủ ở đâu ? Sao chuột chủ than thân với chuột bạch ? Người ta yêu chuột bạch mà ghét chuột chủ là tại sao ? Chuột chủ có ích gì không ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Muốn cho người yêu quý ta phải ăn ở thế nào ? Ăn ở bần thiú thì hại thế nào ?

II. — Giải nghĩa câu : « Đói cho sạch, rách cho thơm ».

49. — LÊ-QUÝ-ĐỒN

Đại-ý. — Lê-Quý-Đồn người làng Diên-Hà, tỉnh Thái-Bình, lúc còn bé lên 5, 6 tuổi đi học đã khác người, đến năm 18 tuổi đỗ bảng-nhôn làm quan đời Lê-Hiến-Tôn. Người thật là trung-quân ái quốc, lại thêm có bụng tốt hay giúp đỡ không những người nhà mà cả người ngoài nữa. Làm quan to mà vẫn nhún nhận không kiêu căng như người đời.

Tính ông Lê-Quý-Đồn thành-thực, trung-tín, làm quan được bổng lộc, thường chia cho những họ hàng thân thích. Dựng vợ gả chồng cho người trong họ, trước sau cả thấy 18 người. Những vợ con

anh em bạn nghèo khó, cũng thường tư cấp cho ít nhiều, mà xử vào trong mình rất tiết kiệm, thường chỉ mặc cái áo vải và ăn cơm rau mà thôi. Lại hay xem sách, đã làm đến khanh tướng, cũng vẫn học đến nửa đêm mới thôi. Xử với người ta thì cực nhũn, không có kiêu ngạo với ai bao giờ.

Đến khi trí-sĩ, làm một cái nhà gianh, sửa sang vườn cảnh chơi bời. Cửa đề hai chữ: « Cấn-Trai » để tỏ ý mình. Học trò nhiều người làm nên đến khanh-tướng.

P. K. B.

GIẢI NGHĨA. — *Trung tín*: hết lòng với vua, với nước. — *Tiết-kiệm*: không sển so mà cũng không sa hoa lắm. — *Trí-sĩ*: lúc thôi không làm quan nữa.

CÂU HỎI. — Ông Lê-Quý-Đôn dùng lương bổng làm gì? Ông ăn mặc thế nào? Ông làm quan rồi còn học nữa không? Tính ông có kiêu ngạo không? Trí-sĩ rồi ông làm những gì?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Lê-Quý-Đôn. Hãy kể tình hạnh ông Lê-Quý-Đôn. Đối với nước. Đối với nhà, với họ. Đối với người ngoài.

50. — THAN ĐÁ

Đại-ý. — Than đá là thứ than lấy ở mỏ lên. Khi lấy than thì phải đào đất cho đến mỏ than, rồi lấy dần mà trục lên. Than ấy dùng để đốt các máy và các lò rất là tiện lợi.

Than đá là một vật rắn như đá, đen lay láy mà sáng lóng lánh, ta cũng gọi là than mỡ.

Than đá đốt thì lắm lửa và nóng nhiều hơn củi với than gỗ, cho nên người ta thường dùng để đốt lò các nhà máy, tàu-thủy và xe-hỏa.

Người ta lại dùng làm hơi thắp đèn và trích nhựa nó để làm phẩm nhuộm.

Than đá ở dưới đất sâu, nó là những cây cối ở rừng núi sụt xuống lâu ngày thành than. Than ấy ở dưới đất có từng mạch chồng lên nhau, nhưng mạch nọ xa mạch kia, không ở sát nhau bao giờ. Lấy than đá thì phải đào một cái giếng cho đến chỗ có than, rồi cuốc than theo mạch nó ngang mãi ra. Than lấy được rồi, xe ra cửa giếng, lấy máy trục lên.

GIẢI NGHĨA. — *Than gỗ*: gỗ đốt thành than. — *Than mỏ*: than lấy ở mỏ lên. — *Trục*: lấy ở dưới lên.

CÂU HỎI. — Than đá là gì? Lấy ở đâu? Than đá dùng làm gì? Lấy than đá thì phải làm thế nào?

BÀI TẬP LÀM VĂN. — I. Anh hãy kể sự ích lợi than đá? Cách lấy than đá thế nào? Than đá và than gỗ có khác nhau không?

51. — TÂN-HỌC CỰU-HỌC

Đại-ý. — *Vốn sự học vẫn là có ích, nhưng nếu không biết lợi dụng cho phải đường thì dù học nào cũng không bổ ích gì.*

Sự học cũ là nền văn-hóa của nước ta, từ mấy nghìn năm đến giờ, người ta có loạn-lý, có cương-

thường, có chính-trị, có lễ lối cũng là bởi đó ; còn học mà hủ bại là tự người. Ai bảo cứ chăm chỉ câu văn cho khéo, còn tinh dân kể nước không nhận là phạm học trò. May mà thi đỗ thi ra làm cha mẹ dân, không đồ xoay về làm thầy, như thầy cúng, thầy giò, thầy bùa, thầy địa đều là nghề nời dối để kiếm ăn, như thế mà cũng chồm chệ lên bực thượng-lưu, phép nào mà nước không nghèo dân không đại. Còn học mới là học về thực-nghiệp, nhờ có nước Đại-Pháp mở đường giắt lối, học cho mở mang trí-thức, học cho rộng đường làm ăn, chính là việc rất cần trong nước ta. Ai bảo chỉ đua ăn đua chơi gọi là cải-lương. Chẳng những là làm cho chậm bước văn-minh mà lại phụ lòng bảo-hộ.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

GIẢI NGHĨA. — *Hủ bại* : tồi tàn. — *Thượng-lưu* : bực cao, sang trọng. — *Cải lương* : thay mới cho tốt hơn lên.

CÂU HỎI. — Thế nào là học cũ ? học mới ? Học mới học cũ khác nhau thế nào ?

BÀI TẬP LÀM VĂN. -- I. Tên Mỗ tham chơi nhăng học. Anh này sau thành ra thế nào hãy dự đoán xem.

II. — Tên Hư thông-minh học giỏi thế mà không ai ưa. Thử đoán xem tên ấy có những nét hư gì.



MỤC-LỤC

Số bài		Số trang
1	Phải thề lòng cha mẹ	3
2	Khuyên học trò	4
3	Cậu bé làng Dóng	6
4	Cờ lau đẹp loạn	7
5	Nguyệt-thực, nhật-thực	9
6	Cách giữ gìn sức mạnh	11
7	Một nhà học-đường lớn	12
8	Người thuyền chài và người kiếm củi nói chuyện	13
9	Thư cha viết cho con	15
10	Khuyên học	16
11	Chớ nên nich-ái	17
12	Lê Thái-Tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn	18
13	Quả đất luân chuyển	20
14	Các nhà bảo-tàng. (1 ^o Địa-chất bảo-tàng-viện)	22
15	Bệnh dịch tả	23
16	Tình thầy trò	25
17	Chuyện vua Lý Thái-Tổ	26
18	Cảnh Huế	27
19	Mỹ-thuật và kiến-chức bảo-tàng-viện	29
20	Giữ cho người ta khỏi muỗi đốt	30
21	Thư con viết cho cha	32
22	Nhời cha dặn con	33
23	Trần-Hưng-Đạo	35
24	Cách thí nghiệm quả đất luân-chuyển	36
25	Dịch trâu bò	38
26	Nông công thương bảo-tàng	39
27	Nhời khuyên học trò nhà quê	40
28	Tờ bá cáo về việc bình Ngô	41
29	Cảnh đèo Ngang	43
30	Tiền bạc	45
31	Một cách sống lâu	46
32	Thư cho con	47
33	Đối với quốc gia xã-hội	49
34	Ở đời ngay thật thì hơn	50
35	Trinh-nữ anh-hùng	51
36	Đường phố vào phủ Toàn-quyền	53

II

37	Điều ước cao thượng	55
38	Chuyện ông Trương Công-Nghệ	56
39	Nguyễn-Trãi vì cha báo thù	57
40	Anh tôi	59
41	Lê-Quỳnh không chịu cắt tóc theo người Tàu	60
42	Xiêm-Thành Chân-Lạp bị nội-thuộc nước ta	63
43	Bút chì và miếng tẩy	64
44	Ông Nguyễn Văn-Hiếu	66
45	Một bậc danh hiền	67
46	Cây gạo	69
47	Muối	70
48	Chuột bạch và chuột chù	71
49	Lê-Quý-Đôn	72
50	Than đá	73
51	Tân-học cựu-học	74



Dépôt légal. - Provision de Perichent Supérieur au Tonkin
 Deux exemplaires à l'air grave - sans par la
 Société de Patrimoine des Ecoles et Universités. Tirage
 exact de Deux mille (2000) exemplaires.
 Hanoi le 25 Août 1925
 P. de Direction



IMPRIMERIE NGHIÊM-HÀM

58, Rue du Colon, 58

HANOI

